LỜI MỞ ĐẦU

Đồng Nai có Văn miếu Trấn Biên nức tiếng xa gần bởi đây được xem như "Quốc Tử Giám" của vùng Nam bộ; là biểu tượng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa người Việt đất phương Nam. Nhưng ít ai biết rằng, cách Văn miếu Trấn Biên chừng 2 km, đi về hướng Đông, cũng tồn tại một "Võ miếu" chứa đựng trong mình những giá trị lớn không kém về mặt lịch sử - văn hóa. Đó chính là thành cổ Biên Hòa – công trình kiến trúc quân sự được xây dựng từ trước khi nhà Nguyễn vào thiết lập chế độ quản lý hành chính trên đất Đồng Nai. Nơi lưu dấu kỹ thuật quân sự của cha ông thời khai hoang, mở đất; đồng thời cũng là chứng tích lịch sử vùng đất Đồng Nai trong quá trình chống giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc.

Trong quá trình tìm hiểu tư liệu tham gia Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2013, tôi đã may mắn có cơ hội được hiểu sâu hơn những giá trị nơi Thành cổ Biên Hòa. Càng tìm hiểu, tôi càng khâm phục và yêu hơn, trân trọng hơn những giá trị mà ông cha ta trong quá trình khai hoang mở cõi, để lại cho vùng đất Đồng Nai. Thành cổ Biên Hòa đã được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 21-3-2008.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của người Việt, do đặc điểm về vị thế địa lý và văn hóa, mỗi vùng đều xuất hiện các khu thành, được các triều đại và nhân dân xây dựng lên để chống lại sự xâm lấn của giặc ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi. Có thể kể đến như: Hoàng thành Thăng Long, Thành cổ Quảng Trị, Thành Gia Định (Thành Gia Định - hay thành Sài Gòn (còn được biết đến với tên gọi khác là thành Phiên An), Thành Bát Quái cũng của nhà Nguyễn xây dựng tại Gia Định, Cố đô Hoa Lư, Thành cổ Sơn Tây, thành Đồ bàn, Cổ Loa, thành nhà Hồ, thành cổ Bắc Ninh… Tất cả đều được xây dựng thành những khu vực quân sự kiên cố và thành cổ Biên Hòa cũng là một công trình như thế.

Mặc dù mang trong mình những giá trị văn hóa – lịch sử hết sức to lớn nhưng tiếc thay khi đến tham quan thành cổ Biên Hòa, người viết không khỏi chạnh lòng: trước mắt hiện ra là tòa nhà dột nát, hư hỏng nặng; tất cả các công trình, di vật còn lại đều đang trong tình trạng xuống cấp trầm trọng. Điều này khiến trong tôi đau đáu một nỗi niềm: nếu như tỉnh Đồng Nai không có giải pháp để bảo tồn ngay tức khắc thì chỉ vài năm hoặc ngắn hơn thế, cơn gió mạnh thổi qua… công trình kiến trúc trong thành sẽ chỉ còn là đống đổ nát. Vì vậy, thông qua phần thi của mình, chỉ mong góp thêm tiếng nói chung vào công việc bảo tồn một di tích kiến trúc mang giá trị không chỉ của vùng đất Đồng Nai mà có ý nghĩa của cả vùng Nam bộ. Bởi tôi được biết, trong số các Thành cổ xưa trên vùng đất này như: thành cổ Vĩnh Long, thành cổ Vũng Tàu hay thành cổ Sài Gòn… hiện nay đều chỉ còn trên tư liệu. Duy chỉ có độc nhất thành cổ Biên Hòa ra đời cùng thời gian mà vẫn còn tồn tại nhiều công trình, hạng mục cụ thể.

Việc bảo tồn di tích thành cổ Biên Hòa sẽ không dễ nhưng không có nghĩa là chúng ta không làm được. Thành cổ Biên Hòa được bảo tồn, khôi phục (điều này tỉnh Đồng Nai đã thực hiện rất thành công với Văn miếu Trấn Biên) sẽ mang giá trị ý nghĩa giáo dục tinh thần to lớn, để mỗi người dân Đồng Nai sẽ không chỉ tự hào vùng đất này có Văn miếu – biểu tượng cho tinh thần ham học mà còn có cả "Võ miếu" oai hùng – biểu tượng cho tinh thần bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

I. Vài nét về lịch sử vùng đất Đồng Nai trước thời kỳ nhà Nguyễn

Rồng chầu ngoài Huế

Ngựa tế Đồng Nai

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ … lạc loài tới đây

Hết gạo thì có Đồng Nai,

Hết củi thì có Tân Sài chở vô

Những câu thơ trên đã đúc kết hết sức ngắn gọn, súc tích về vùng đất Đồng Nai – nơi khởi phát, đất địa đầu làm chỗ đứng chân cho những bước kế tiếp của công cuộc khai phá về phương Nam của ông cha ta hơn 300 về trước.

Vùng đất ấy vốn nổi tiếng xưa nay về sự trù phú: Đất Đồng Nai thuận hòa, sông Đồng Nai trong mát, sản vật Đồng Nai nhiều vô số kể. Thiên nhiên hiền hòa vốn ưu đãi, dành tặng cho vùng đất này không chỉ sự hưng thịnh về mặt sản vật mà còn bởi quanh năm con người không phải lo đối phó với thiên tai, bão dữ. Chính sự hiền hòa, trù phú ấy đã thu hút con người từ các nơi tụ về đây lập nghiệp. Qua hơn 300 trăm năm hình thành và phát triển, vùng đất ấy đã chứng kiến biết bao đổi thay nhưng chắc chắn một điều rằng, trong quá trình khai hoang mở cõi, xây dựng vùng đất Đồng Nai giàu mạnh, cha ông ta đã để lại cho lớp con cháu đời sau những giá trị về văn hóa, lịch sử vô cùng to lớn.

Mặc dù thiên nhiên phong phú, sản vật nhiều vô số kể nhưng cho đến cuối thế kỷ XVI, vùng đất Đồng Nai về cơ bản vẫn còn hoang dã, chưa được khai phá nhiều. Trên vùng đất mênh mông ấy mặc dù có thiên nhiên trù phú nhưng chỉ mới xuất hiện thưa thớt một số ít các dân tộc Stiêng, Mạ, Cơ ho, M`nông, Chơro sinh sống. Ngoài ra còn có một số lượng không đáng kể dân nhập cư từ Lục Chân Lạp sang lánh nạn vì chiến tranh. Đầu thế kỷ XVII, do hậu quả bi thương từ cuộc tranh chấp quyền lực giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn, một số lưu dân người Việt miền Thuận Quảng phải xa xứ, trên đường lưu bạt tìm vùng đất mới

sinh sống, họ chọn vùng đất Đồng Nai để an cư. Thời gian này, vùng đất Đồng Nai mới xuất hiện những lưu dân người Việt và vẫn chưa phát triển.

Cũng trong thời gian đầu thế kỷ XVII, một nhóm người Hoa do tướng Trần Thượng Xuyên dẫn đầu sang đất Việt xin tỵ nạn và được nhà Nguyễn cho phép vào khai phá vùng đất "Đông Phố". Trần Thượng Xuyên và nhóm tùy tùng của ông đã chọn vùng Cù Lao Phố làm nơi phát triển bởi nhận thấy nơi đây có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động buôn bán kinh doanh. Và thực sự, dưới tài tổ chức thương mại khéo léo của Trần Thượng Xuyên, Cù Lao Phố đã trở thành trung tâm mua bán sầm uất của vùng Đồng Nam Bộ thời bấy giờ.

Trước sự phát triển hưng thịnh của vùng đất phía Nam, năm 1698, để xác lập chủ quyền ở vùng đất này, chúa Nguyễn Phúc Nguyên bắt đầu tiến hành xây dựng hệ thống hành chính các cấp (phủ, huyện, phường, xã, thôn, ấp) tại xứ Đồng Nai – Gia Định. Những lưu dân trên vùng đất này từ chỗ là kiều dân đã cùng với các tộc người khác trở thành thần dân của chúa Nguyễn. Khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Đồng Nai, ngoài việc hoàn thiện thêm hệ thống quản lý hành chính, ông còn chiêu mộ thêm những người dân giàu có từ các xứ: Quảng Nam, phủ Điện Bàn, phủ Quảng Nghãi, phủ Quy Nhơn vào Đông Nai lập nghiệp. Nhờ những chính sách khá thông thoáng của chính quyền nhà Nguyễn trong quá trình khai phá, phát triển kinh tế đã thúc đẩy kinh tế vùng đất Đồng Nai thời kỳ này phát triển mạnh mẽ.

Đến cuối thế kỷ XVIII, về mặt hành chính, vùng đất thuộc tỉnh Đồng Nai ngày nay nằm trong dinh Trấn Biên. Khi ấy toàn Nam bộ thuộc về Gia Định phủ bao gồm 4 dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, Trường Đồn và 1 trấn là Hà Tiên. Sau khi Nguyễn Ánh đánh thắng Tây Sơn và lên ngôi hoàng đế (năm 1802), lấy hiệu là Gia Long, đã ban hành chính sách cải cách hành chính, phân định lại ranh giới các đơn vị hành chính trong phạm vi cả nước. Gia Định phủ đổi thành Gia Định trấn. Và vùng đất thuộc tỉnh Đồng Nai ngày nay nằm trong địa phận tổng

Phúc Chánh (còn gọi là Phước Chánh) và tổng Long Thành của huyện Phúc Long (còn là Phước Long) thuộc dinh Trấn Biên của Gia Định Trấn.

Đến năm Mậu Thìn (1808), vua Gia Long cho nâng cấp các đơn vị hành chính. Vì vậy, dinh Trấn Biên được nâng cấp thành trấn Biên Hòa; huyện Phước Long được nâng cấp thành 4 huyện gồm: Bình An, Phước Chánh, Long Thành, Phước An. Vùng đất Đồng Nai ngày nay nằm trong địa phận huyện Phước Chánh và huyện Long Thành của phủ Phước Long. Sau khi vua Gia Long mất, Minh Mạng nối ngôi vào năm Canh Thìn (1820), tiếp tục công cuộc cải cách hành chính. Theo đó, Trấn Biên Hòa được gọi là tỉnh Biên Hòa. Tỉnh Biên Hòa khi ấy gồm 2 phủ (Phước Long, Phước Tuy) và 7 huyện (Bình An, Phước Chánh, Long Thành, Phước An, Ngãi An, Long Long Khánh, Phước Bình). Đối chiếu với địa giới hiện nay thì nó bao gồm các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước và một phần đất của các quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận.

Có thể khẳng định rằng, trong quá trình khai phá và xây dựng vùng đất Đồng Nai, sức mạnh của tinh thần lao động chân chính cộng với tình đoàn kết, cần cù siêng năng của những lưu dân ban đầu đã biến Đồng Nai từ vùng đất hoang vu, chứa đầy lam sơn chướng khí thành một một đô hội phồn hoa Cù Lao Phố nổi tiếng, với sản vật nông nghiệp cơm Nai – Rịa, cá Rí – Rang. Không chỉ vậy, kể từ khi "*Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước – Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây*" nhân dân Đồng Nai lại sẵn sàng anh dũng, kiên cường đứng lên chống giặc ngoại xâm quyết bảo vệ giang sơn, tổ quốc.

Dạo một vòng quanh vùng đất Đồng Nai, chúng ta có thể thấy được sự đa dạng về văn hóa – lịch sử cha ông đã gầy dựng đang lưu dấu trong mọi mặt đời sống, mà trực tiếp là các chứng tích lịch sử còn lại đến ngày hôm nay. Toàn tỉnh hiện có trên 47 di tích đã được chứng nhận trong đó có 1 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia, 20 di tích cấp tỉnh thuộc các loại hình: tự nhiên, khảo

cổ, kiến trúc nghệ thuật, lịch sử kháng chiến, danh lam thắng cảnh. Ngoài ra, có 54 di tích đang trong lộ trình đề nghị xếp hạng trong giai đoạn 2012-2020. Bên cạnh đó, còn có khoảng 1.500 di tích phổ thông, 401 căn nhà gỗ truyền thống, trên 40 ngôi mộ cổ... Lùi thời gian về quá khứ, gắn với quá trình mở cõi rõ nhất của vùng đất Đồng Nai còn lưu dấu lại ấy là hệ thống các đình chùa, miếu mạo; các giá trị nghệ thuật, văn hóa, ẩm thực mà ngày nay con người Đồng Nai đang tiếp tục vun trồng trong hành trình dựng xây, phát triển. Gần đây hơn thì có các di tích lịch sử cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc ngoại xâm. Khắp các vùng đất Biên Hòa, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu hay Long Thành đâu đâu cũng vẫn còn lưu dấu không ít chứng tích xưa.

Nằm trong hệ thống các di tích cấp tỉnh, nếu như các vùng đất Long Thành, Nhơn Trạch… chỉ đơn giản là những ngôi đình qui mô nhỏ thì vùng đất Biên Hòa, với lợi thế "địa linh" đã được cha ông chọn đặt xây dựng nhiều công trình quan trọng trong đó nổi bật có cổ thành Biên Hòa, công trình kiến trúc quân sự có giá trị lịch sử - văn hóa vô cùng to lớn.

Qua gần 200 năm tồn tại, kể từ ngày được gầy dựng đến nay, trải qua bao thăng trầm biến cố của đời sống xã hội, trước quy luật khắc nghiệt của tạo hóa, thời gian, sự tàn phá của chiến tranh, nhiều di sản vật thể trên vùng đất Biên Hòa nay đã không còn nhưng Thành cổ Biên Hòa vẫn hiên ngang tồn tại như thách thức cùng quy luật nghiệt ngã của thời gian. Cổ thành như ông lão già lụ khụ, mặc chút hơi tàn còn sót lại vẫn "nép mình nghiền ngẫm sự đời".

II. DIỄN TIẾN LỊCH SỬ THÀNH CỔ BIÊN HÒA

II.1 Vị trí và tên thành

Từ vòng xoay Biên Hùng, rẽ phải vào đường Hưng Đạo Vương đến ngã Ba Thành, rồi tiếp tục rẽ vào đường Phan Chu Trinh. Tại cuối đường thuộc khu phố I, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa ta gặp một vòng thành xây dựng bằng đá ong, bên trong có ngôi biệt thự kiến trúc lầu của Pháp, đó chính là "Thành Biên Hòa".

Ngày nay, thành Biên Hòa nằm cách UBND tỉnh và sông Đồng Nai 500m về hướng Tây; cách sân bay Biên Hòa 1km về hướng Đông; cách ga xe lửa 3km về hướng Nam; cách Tp.Hồ Chí Minh 30km về hướng Tây và cách Bà Rịa Vũng Tàu 100km về hướng Đông Nam. Du khách có thể tới tham quan di tích bằng tất cả các phương tiện đường thủy, đường bộ, đường sắt.

Cách đây gần 200 năm, khi thành mới được nhà Nguyễn xây dựng, vị trí cổ thành Biên Hòa được xác định tại địa hạt thôn Bàn Lân (thôn Tân Lân) huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa, đó là theo ghi chép của tác giả Lương Văn Lựu. Còn sách "Đại Nam Nhất thống chí" ghi rằng: "tỉnh thành này (tỉnh thành Biên Hòa) ở địa phận thôn Tân Lân, huyện Phước Chánh. Khi đầu bản triều (Nguyễn) dựng đặt ở thôn Phước Lư, năm Gia Long thứ 15 (1816) dời qua chỗ này. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), đắp thành đất; năm 18 (1837) xây lại bằng đá ong". Thôn Tân Lân ở xứ Bằng Lăng, thuộc tổng Phước Vĩnh Thượng, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Những nghiên cứu của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu cho thấy, căn cứ trên hai bản đồ gồm: bản đồ thác nước sông Biên Hòa và Bản đồ chỉ dẫn tỉnh lỵ Biên Hòa. Trước hết là bản đồ thác nước sông Biên Hòa do ba kỹ sư thủy quân Manen, Vidalin và Héraud đo vẽ năm 1862 – 1863 thì vị trí thành Biên Hoa được mô tả như sau: kỳ đài tức cột cờ nằm ở cửa nam thành nhìn ra sông. Kỳ đài nằm ở vị trí $10^{0}56`40''$ vĩ tuyến Bắc và $104^{0}30`1''$ kinh tuyến Đông Paris. Thành Biên Hòa xây theo hình vuông, giữa mỗi cạnh lại có một vòng cung, trông như hình hoa

mai 8 cánh. Kỳ đài nằm ở vòng cung nhìn ra sông. Còn Bản đồ chỉ dẫn tỉnh lỵ Biên Hòa in năm 1965 cho thấy, dấu vết toàn thành còn khá rõ, thể hiện ở cạnh thành phía Tây còn giữ nguyên hình. Con đường chính từ bờ sông thẳng vào cửa thành có tên Đại lộ thành trì (Boulevard Citadelle), ngày nay vẫn còn. Một khuôn viên nằm gần ở trung tâm thành gọi là nội thành. Nội thành được củng cố và xây thêm một số biệt thự, sau khi Pháp phá bỏ hầu hết tường thành lớn cũ và lấp hào nước xung quanh thành cổ.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu thì thành cổ Biên Hòa hiện là tòa thành duy nhất còn được bảo tồn ở Nam Bộ, mang dáng dấp kiến trúc thành Vô-băng (*Vauban*) thời Pháp thuộc, hiện còn lại với quy mô gần 1,1ha, bằng 1/8 cổ thành "gốc" thời Nguyễn. Nơi đây đã ghi dấu ấn nhiều sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình khai phá đất Đàng Trong thời chúa Nguyễn, cũng như giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ cứu nước sau này của nhân dân Đồng Nai. Mặc dù xây dựng theo kiến trúc bố phòng của phương Tây nhưng phương hướng của thành vẫn tuân theo nguyên lý phong thủy á đông và cổng thành vẫn theo kiểu thức truyền thống văn hóa Việt Nam.

Kể từ lúc ra đời, thành đã mang rất nhiều tên gọi khác nhau như: thành Cựu, thành Kèn, thành Xăng đá.

Theo các tư liệu cổ ghi chép lại, thành Biên Hòa ban đầu có tên "Thành Cựu" bởi thành được dân Lạp Man xây đắp bằng đất. Đến thời Vua Gia Long "Thành Biên Hòa" được xây dựng lại trên "Man Thành cũ" vào khoảng năm 1816 (Man Thành có nghĩa là Thành cổ của người dân tộc – cũng có nghĩa là Thành Cựu bằng đất được phá bỏ hoàn toàn, chỉ giữ lại vị trí và nền thành).

Đến khoảng năm 1837, vua Minh Mạng nhà Nguyễn xây dựng lại một thành mới bằng đá ong – là nguyên liệu sẵn có ở Biên Hòa, đổi tên lại là "Thành Biên Hòa".

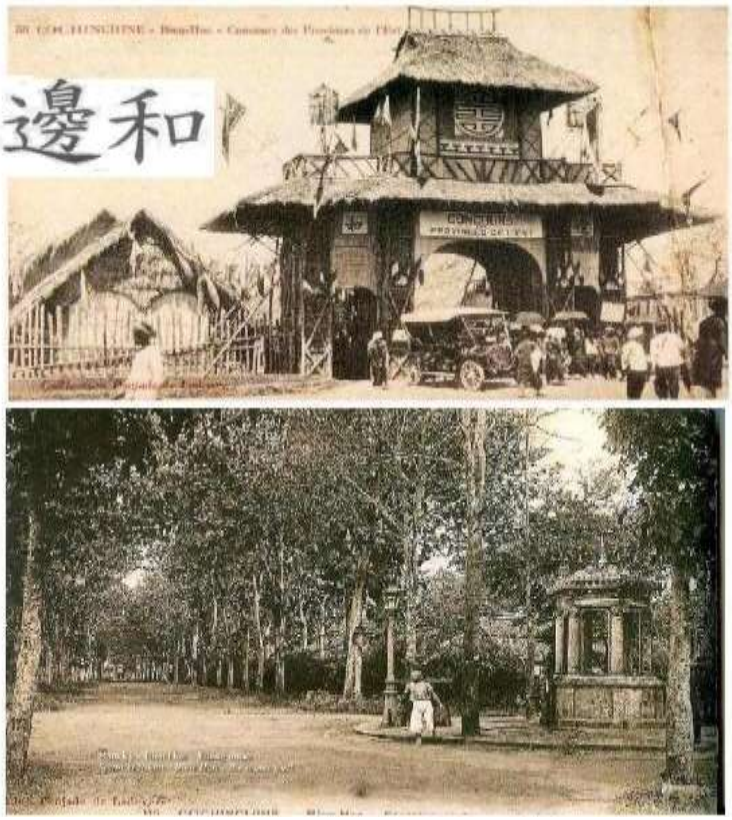

Nội ô Biên Hòa xưa. (Nguồn: tư liệu)

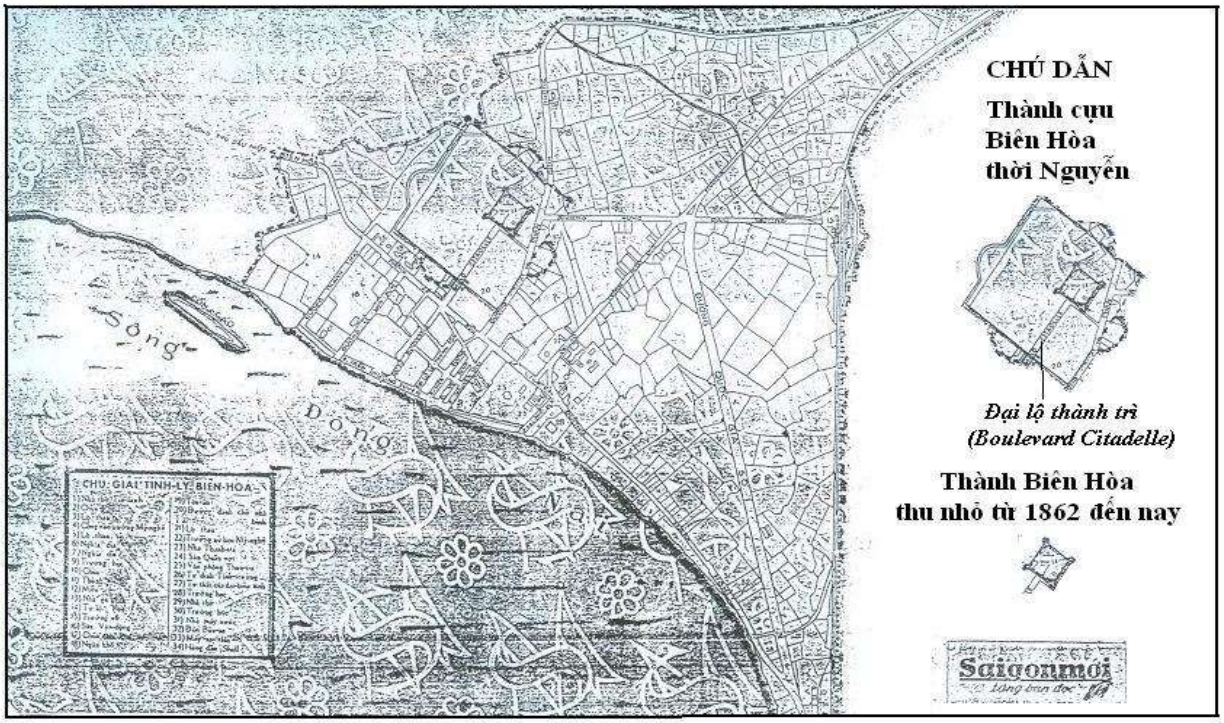

Vị trí thành Biên Hòa trong Bản đồ chỉ dẫn tỉnh lỵ Biên Hòa. (Nguồn: tư liệu)

Vị trí Biên Hòa ngày nay thể hiện bản đồ trong qui hoạch khoanh vùng bảo vệ di tích Thành cổ Biên Hòa của ngành Văn hóa – thể thao và du lịch.

Vị trí Thành cổ Biên Hòa chụp từ Google Map.

Tác giả Lương Văn Lựu mô tả về thành Biên Hòa trong "Biên Hòa sử lược toàn biên" như sau: "Thành được xây dựng vào năm Gia Long thứ 15 (tức 1816) tại địa hạt thôn Bàn Lân (thôn Tân Lân) huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa cũng với tên gọi là "Thành Cựu" do dân Lạp Man xây đắp bằng đất. Chu vi thành dài 338 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng. Hào xung quanh rộng 4 trượng, sâu 6 thước. Thành có 4 cửa và một kỳ đài (phía chánh điện). Mỗi cửa ngõ có bắc một cầu đá ngang qua hào để làm lối lưu thông ra vào". Thành được xây theo hình cánh cung, đến năm Minh Mạng thứ 18 (tức 1837), Thành Cựu được xây dựng lại bằng đá ong và đổi tên thành Thành Biên Hòa. Lúc này, vẫn được triều đình sử dụng vào mục đích quân sự, làm nhiệm vụ trấn giữ, phòng thủ, ngăn chặn thù trong giặc ngoài để giữ yên bờ cõi.

Tên Thành Xăng đá hay Thành Kèn chỉ xuất hiện về sau này và gắn liền với cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Khi Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam bộ, Thành Biên Hòa trở thành nơi phòng ngự, phản công địch của quan quân nhà Nguyễn. Tháng 12 năm 1861, Thành Biên Hòa rơi vào tay thực dân Pháp. Trong thời gian chiếm đóng, quân đội Pháp tiến hành xây dựng lại, thu gọn chu vi thành còn 1/8 so với trước và gọi là thành "Xăng đá", phiên âm từ tiếng Pháp Soldat - nghĩa là "Thành Lính". Hào phía đông được lấp đất lại xây cất phố xá và một số doanh trại, biệt thự, nhà thương... trong nội thành cho sĩ quan cao cấp và quân đội Pháp ở. Buổi sáng lính thường sử dụng kèn báo thức, âm thanh vang cả một vùng nên dân địa phương còn gọi là Thành Kèn.

Mặc dù có rất nhiều tên gọi khác nhau song cho đến ngày nay, cái tên mang nhiều nghĩa nhất vẫn là "Thành Biên Hòa" - nơi minh chứng cho lịch sử hào hùng của con người vùng đất Đồng Nai trong suốt chặng đường khai phá, phát triển.

II.2 Quá trình xây dựng thành

Cổ thành Biên Hòa là một công trình phòng thủ quân sự của triều Nguyễn ở vùng đất Biên Hòa. Hệ thống bố phòng ở Biên Hòa lúc bấy giờ còn có các trạm,

lũy, tấn, đồn thủ tại các nơi xung yếu. Ngoài chức năng của một trung tâm các hoạt động nhiều mặt của xã hội đương thời, cổ thành Biên Hòa đóng góp rất quan trọng trong việc bố phòng, trấn an vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Thành Biên Hòa là điểm chỉ huy của các cuộc trấn áp đối với sự nổi dậy phá hoại của các tộc người miền núi không tuân phục triều Nguyễn mà triều Nguyễn gọi chung là man sách. Ngoài ra, công trình này còn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với triều Nguyễn trong việc trấn áp các cuộc nổi dậy mà tiêu biểu là cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi ở Phiên An.

Sự kiện này diễn ra như sau: đời vua Minh Mạng, năm 1830, Lê Văn Duyệt cho sửa thành Bát Quái (tại Gia Định – Sài Gòn ngày nay). Tiếc thay việc sửa thành, cộng thêm tư thù khi còn trẻ với Lê Văn Duyệt khi cho xử chém Huỳnh Công Lý, cha đẻ một quí phi được vua Minh Mạng sủng ái, vua Minh Mạng đã vu cho ông tội nhị tâm (hai lòng) và cho quân san bằng mồ mả sau khi Lê Văn Duyệt mất. Lê Văn Khôi, con nuôi của Lê Văn Duyệt đã tức giận và khuấy binh, nổi loạn chống lại triều đình nhà Nguyễn. Cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi nổ ra vào năm 1833 và bị dập tắt hòan toàn vào năm 1835. Trong thời đoạn này, thành Biên Hòa nhiều lần đổi chủ. Lúc thì quân của Lê Văn Khôi chiếm đóng, sau đó quân của triều Nguyễn chiếm lại. Sự biến động này không chỉ làm đau đầu triều Nguyễn mà còn làm cho trăm dân của Biên Hòa lâm vào nạn chiến tranh. Chính từ sau "sự kiện Lê Văn Khôi", vua Minh Mạng thấy việc cải tạo, xây lại thành Biên Hòa kiên cố "là công trình trọng đại", nên ông đã ra sắc lệnh, chuẩn cho xây thành Biên Hòa và sai phái nhiều vị tướng quân giữ chức vụ quan trọng trong triều nắm giữ. Điều này thể hiện sự phân công của vua Minh Mạng đối với các vị quan ở Bình Thuận, Gia Định cùng được điều động trông coi. Tầm quan trọng của thành Biên Hòa không chỉ bó hẹp trong tỉnh Biên Hòa mà còn của chung khu vực Đông Nam Bộ.

Quá trình xây thành được liệu tư ghi lại như sau: tháng 6, năm 1834, nhà Nguyễn tiến hành xây đắp thành đất tỉnh Biên Hòa. Và đến năm 1838, đợt xây

dựng lại với quy mô lớn hơn về thành Biên Hòa được tiến hành. Đây là công trình trọng đại nên vua Minh Mạng phái Vệ úy Vệ tả bảo nhị là Nguyễn Văn Gia, Thự phó Vệ úy Tiền doanh Long Võ là Phan Văn Lăng, Vệ úy Tả thủy Gia Định là Lê Văn Tự, Vệ úy Bình Thuận là Tôn Thất Mậu cùng trông coi việc thực hiện.

Sách Minh Mạng chính yếu, tập VI, quyển 21 có ghi rằng: Minh Mạng thứ 15 đắp thành Biên Hòa, tỉnh này trước kia cũng có thành và hào. Nay khâm mạng nhà vua phái Đoàn Văn Phú trù tính trình tấu lên để thi hành.

Tháng 6 năm 1834, khi tiến hành đắp thành bằng đất, quan khâm sai Đoàn Văn Phú đã chọn 1.000 dân trong hạt, là những người có sức khỏe tốt tham gia đắp thành, với bốn mặt thành đều dài 70 trượng, cao 4 thước, 3 tấc, dày 1 trượng; mở 4 cửa có hào rộng 2 trượng, sâu 6 thước. Đến giai đoạn xây thành bằng đá ong, Vệ úy Vệ tả bảo nhị là Nguyễn Văn Gia, Thự phó Vệ úy Tiền doanh Long Võ là Phan Văn Lăng, Vệ úy Tả thủy Gia Định là Lê Văn Tự, Vệ úy Bình Thuận là Tôn Thất Mậu đã chỉ đạo 4.000 binh dân tham gia đắp vào tháng Giêng năm 1838. Lúc này, thành có chu vi dài 338 trượng, cao 8 thước, 5 tấc, dày 1 trượng, hào rộng 4 trượng, sâu 6 thước, có 1 Kỳ đài, 4 cửa và cầu đá qua hào. Ngoài ra, tại các cửa qua hào đều bắc cầu đá ở địa phận thôn Tân Lân. Trên sông Đồng Nai từ ngã ba Nhà Bè đến phía trước cửa thành có 9 cản gỗ và 1 cản đá. Hai bờ sông có một pháo đài nhỏ bố trí súng thần công, dưới sông có một số thuyền phục vụ cho đánh trận…

Thành Biên Hòa được rất nhiều thư tịch cổ chép lại như: Gia Định Thành Thông Chí – Quyển VI tập hạ; Đại Nam Nhất Thống Chí viết năm 1820; sách Minh Mạng chính yếu tập VI quyển 21 trang 70 cũng nhắc đến; tác giả Lương Văn Lựu trong quyển Biên Hòa lược sử cũng đã viết về Thành; tác giả M.Robert trong "Địa dư chí" viết năm 1923 cũng nhắc tới. Tuy nhiên các tư liệu này không đề cập chi tiết cụ thể lực lượng xây dựng thành, chi phí trùng tu sửa chữa, cũng như việc mô tả về kiến trúc của Thành Biên Hòa. Một điều duy nhất các tư liệu này khái quát đó là chứng minh rằng: Thành Biên Hòa đã được xây dựng trước khi Nguyễn

Hữu Cảnh vào kinh lược đất Phương Nam. Nguyên thủy ban đầu Thành Biên Hòa được đắp bằng đất, dùng vào mục đích ngăn chặn, phòng ngự hoặc chống trả các bộ lạc lân cận đến cướp phá, xâm chiếm lãnh thổ của mình.

Sách "Gia Định Thành Thống Chí" quyển VI tập hạ viết về thành Biên Hòa như sau: "Lỵ sở trấn Biên Hòa, khi xưa đặt ở địa phận thôn Phước lư huyện Phước Chính (nay là phường Quyết Thắng). Đất ẩm thấp hằng năm có nạn lụt. Năm Gia Long thứ 15 (năm 1816) thì dời qua gò cao thôn Tân Lân (nay là phường Hòa Bình và phường Quang Vinh) hoạch định ra thành sở ngang dọc đều 200 tầm, trong chia thành đường chữ. Chính giữa dựng vọng - cung, hai bên tả hữu có lầu chuông trống. Chỗ chính giữa sau vọng - cung làm 3 công đinh rộng 80 tầm chia ra làm 3 phần, duy có dinh giữa rộng 5 tầm, dài 10 tầm. Hai con đường tả, hữu đều 7 tầm, chu vi xây tường gạch dày chắc. Hai bên tả, hữu làm thừa ty và quân trại, có chia khu vực chỉnh tề".

Còn sách Đại Nam Nhất Thống Chí năm 1820 có đề cập về thành Biên Hòa với những nội dung sau: Thành Biên Hòa có chu vi 388 trượng (= 1 .784,8m); cao 8 thước 5 tấc (= 3,91m); dày 1 trượng (= 4,6m); hào rộng 4 trượng (= 16,4m); sâu 6 thước (= 2,76m); mở 4 cửa, dựng 1 kỳ đài. Ngoài cửa qua hào đều bắc cầu đá. Thành ở địa phận thôn Tân Lân, huyện Phước Chính. Hồi bản triều mới xây dựng, lỵ sở ở địa phận thôn Phước Lư. Năm Gia Long thứ 15 dời đến chỗ hiện nay. Năm Minh Mạng thứ 15 đắp đất, năm thứ 18 xây đá ong.

Trong tác phẩm “Địa dư chí”, phần về tỉnh Biên Hòa 1923, M. Robert đã viết : " Tiểu thành trì Biên Hòa nằm cách Sài Gòn 20 cây số. Bờ sông Đồng Nai về phía Sài Gòn được bảo vệ mạnh mẽ bằng nhiều công sự chiến đấu và nhiều chướng ngại. Ngạn sông Đồng Nai và trên con đường ra Trung kỳ, được dùng làm điểm giao kết với Nguyễn Tri Phương và một số lớn những người lính đào tẩu của quân đội Trung Hoa đáng lo sợ. Bờ sông Đồng Nai về phía Sài Gòn được bảo vệ mạnh mẽ bằng nhiều công sự chiến đấu và nhiều chướng ngại.

Thành Biên Hòa thời Pháp. (Nguồn: tư liệu)

Thành Biên Hòa xưa (Nguồn: tư liệu)

Biên Hòa ngày nay.

Nếu tính theo cách tính của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 trượng = 4,24m; 1 thước = 0,424m thì thành cổ Biên Hòa đời Minh Mạng có chu vi lên tới 1.645,12 m, tường thành cao 3.604m, dày tới 4,24m, hào rộng 16,96m, sâu 2,544m. Với diện tích khuôn viên bốn tường bao tới gần 17 ha và diện tích thành nếu tính cả hào nước xung quanh lên tới hơn 18 ha. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, với diện tích như vậy, **đây là tòa thành lớn nhất trong hệ thống thành của các tỉnh Nam bộ**.

II.3 Diễn tiến lịch sử của thành từ sau nhà Nguyễn đến nay

Sau nhiều lần dòm ngó Việt Nam nhưng bất thành, năm 1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã nổ súng đánh chiếm Đà Nẵng, chính thức mở màn màn xâm lược nước ta. Sau nửa năm giằng co, sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, địch thay đổi kế hoạch, tiến hành đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ. Trước sức mạnh cùng vũ khí tối tân của địch, xu thế chủ hòa của một số danh tướng đương thời nên đại quân được tăng cường đến cũng như sung quân tại chỗ của Biên Hòa đã không ngăn được bước tiến của quân thù. Lục tỉnh Nam kỳ trong đó có vùng đất Biên Hòa rơi vào tay giặc và bắt đầu cho thời đọan lịch sử đau thương dưới sự thống trị ngoại xâm từ Tây phương. Có quan điểm của nhà nghiên cứu cho rằng, trong sự kiện đánh trả người Pháp xâm lược, thành Biên Hòa mặc dù có vị trí, địa thế quan trọng trong thời điểm lịch sử này nhưng đã không được nhà Nguyễn sử dụng đúng với tầm của chính nó.

Khi Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam bộ, Thành Biên Hòa trở thành nơi phòng ngự, phản công địch của quan quân nhà Nguyễn. Tháng 12 năm 1861, Thành Biên Hòa rơi vào tay thực dân Pháp. Trong quá trình Pháp chiếm đóng Biên Hòa, đã biến thành Biên Hòa thành căn cứ địa quân sự. Quân đội Pháp tiến hành xây dựng lại, thu gọn chu vi thành còn 1/8 so với trước và gọi là thành "Săng-đá", phiên âm từ tiếng Pháp Soldat - nghĩa là "thành lính". Hào phía đông được lấp đất lại xây cất

phố xá và một số doanh trại, biệt thự, nhà thương... trong nội thành cho sĩ quan cao cấp và quân đội Pháp ở.

Thời kỳ Mỹ - ngụy, thành Biên Hòa tiếp tục được sử dụng vào mục đích quân sự và không có gì thay đổi lớn. Chính quyền ngụy Sài Gòn đã sử dụng lại toàn bộ hạng mục công trình do Pháp xây dựng, chia thành Biên Hòa thành hai khu vực bằng một con đường đất chạy dọc theo thành (từ cổng chính của Thành vào trong. Dọc con đường trồng hai hàng me). Khu vực Tây Bắc của thành Biên Hòa là nơi làm việc của phòng nhì và Bưu chính. Trong thời gian làm việc tại đây, phòng nhì đã sử dụng ngôi biệt thự này để giam giữ, khảo tra các chiến sĩ cách mạng. Hướng Đông Nam của Thành là khu vực làm việc của Sở An ninh quân đội. Sở ban này có nhiệm vụ khủng bố phong trào cách mạng ở 11 tỉnh miền Đông lúc bấy giờ.

Toàn bộ khu vực phía sau của thành Biên Hòa được chính quyền ngụy xây dựng các doanh trại lính bằng vật liệu nhẹ (gỗ, ván và tôn) làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan phòng nhì và Ban an ninh.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 1975, Thành Biên Hòa được lực lượng cách mạng tiếp quản và tới năm 1977, phòng Hậu cần Công an tỉnh Đồng Nai có quyết định nhận cơ sở này. Trong qúa trình làm việc tại đây, phòng Hậu cần Công an tỉnh Đồng Nai đã tiến hành sửa chữa một số công trình hạng mục của Thành Biên Hòa phù hợp với nhu cầu làm việc của đơn vị.

Ngày nay, thành Biên Hòa chỉ còn lại những đoạn tường thành bằng đá ong liên kết với nhau, cùng một số hạng mục, công trình bên trong thành gồm: 2 tòa biệt thự hướng Tây - Bắc và hướng Đông -Nam, 2 lô cốt phía Đông và phía Bắc thành, các đoạn tường thành và móng thành.

II.4 Các lần trùng tu và những thay đổi

Mặc dù tất cả các tư liệu có ghi chép về thành đều không mô tả, đề cập chi tiết cụ thể về thành song căn cứ một số kết quả khảo cổ học phát hiện trong quá

trình đào và xây dựng sân vận động Biên Hòa, (có vị trí nằm trên diện tích thành Biên Hòa xưa kia) đã chứng minh rằng nguyên thủy ban đầu của thành được đắp bằng đất, có trước khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất phương Nam. Bên cạnh đó, những khảo cổ vật được Bảo tàng Đồng Nai phát hiện gồm bốn bức tượng tu sĩ Brahma bằng chất liệu đá Ciment –fer và 1 Youni như đã được miêu tả trong văn bia ở chính khu vực này cũng gợi mở thêm về sự hiện diện của một kiến trúc ‘‘Lạp Man‘‘ từ bốn năm thế kỷ trước. Bởi đằng sau những bước chân chinh phạt của quân đội Chăm pa thường để lại nhiều đền tháp, tượng hơn là thành lũy. Ngoài ra, căn cứ theo ghi chép của tác giả Lương Văn Lựu về cột mốc xây dựng thì có thể khẳng định trong quá trình tồn tại của mình, thành Biên Hòa đã trải qua những lần thay đổi cơ bản như sau:

Đầu tiên là thời vua Gia Long, thành Biên Hòa được xây dựng lại trên nền Man thành cũ vào năm 1816. Ở lần xây dựng lại này, Thành Cựu bằng đất được phá bỏ hoàn toàn, chỉ giữ lại vị trí và nền thành.

Lần thứ hai là do vua Minh Mạng thực hiện, trên cơ sở thành cũ của vua Gia Long xây dựng, vua Minh Mạng đã phát triển rộng lớn hơn và đổi vật liệu xây dựng thành bằng đá ong vào năm 1837.

Lần thứ ba, lấy mốc từ cuối năm 1861, bắt đầu sau khi thực dân Pháp chiếm thành. Vẫn trên nền thành cũ của nhà Nguyễn, chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành trùng tu, sửa chữa một lần nữa: thu hẹp phạm vi diện tích của thành xuống còn khoảng 1/8 diện tích ban đầu, phá bỏ một số hào xung quanh, xây cất thêm hai biệt thự và một số doanh trại, nhà thương, công trình phụ... bằng vật liệu hiện đại phía trong thành. Trong thời kỳ Mỹ - Ngụy (1954 - 1975), thành Biên Hoà không có gì thay đổi lớn. Chính quyền ngụy Sài Gòn đã sử dụng lại toàn bộ hạng mục công trình do Pháp xây dựng.

Lần thay đổi thứ tư, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 1975, thành Biên Hòa được lực lượng cách mạng tiếp quản và giao cho phòng Hậu cần Công

an tỉnh Đồng Nai làm cơ sở làm việc. Trong đợt trùng tu và sửa chữa này, toàn bộ vòng Thành hướng Đông Bắc, Tây Bắc, doanh trại lính, nhà thương bị phá bỏ hoàn toàn, phần trên chỉ còn lại một chân móng cao khoảng 1m - 2 m (tùy địa hình). Thậm chí cổng chính vào Thành theo lối kiến trúc vòm cũng bị tháo bỏ; đồng thời xây dựng thêm một số công trình hạng mục mới (nhà để xe, phòng làm việc...). Riêng hai kiến trúc lầu được sử dụng làm kho chứa hàng vật liệu xây dựng và kho vũ khí.

Đợt trùng tu, sửa chữa cuối cùng là vào năm 2001, do nhu cầu cải tạo đô thị, mở rộng đường trong nội ô thành phố Biên Hòa. Diện tích Thành Biên Hòa tiếp tục bị thu hẹp. Trong đó 1/3 vòng Thành và lô cốt hướng Tây Nam đã bị đập bỏ hoàn toàn

Như vậy trải qua nhiều lần trùng tu, sữa chữa, thành Biên Hòa chỉ còn lại một diện tích rất nhỏ (khoảng 10816,5m^2) gồm các đoạn vòng thành cao 1m – 3,2m (tùy địa hình) liên kết với nhau thành một hình vuông. Hai kiến trúc biệt thự (một ở hướng Tây Bắc, một ở hướng Đông Nam của Thành). Hai lô cốt và một tường thành cao khoảng 2,5m - 3m, dài 106,20m, xây bằng đá ong, dầu ô thước chạy dọc theo hướng Đông Nam của Thành Biên Hòa. Tuy nhiên những dấu vết còn sót lại đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Nếu không sớm được trùng tu, tôn tạo, khôi phục lại thì di tích thành Biên Hòa trong thời gian tới e chỉ còn tồn tại trên các tư liệu thành văn.

III. CẢM NHẬN VỀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ CỦA THÀNH BIÊN HÒA

Như đã từng đề cập, trong quá trình gần 200 năm tồn tại, thành Biên Hòa là một trong những di tích còn sót lại mang trong mình những giá trị văn hóa – lịch sử vô cùng to lớn, mà cho đến nay chúng ta vẫn chưa đánh giá hết được.

III.1 Cảm nhận về giá trị lịch sử:

Trước hết, thành Biên Hòa không chỉ là chứng nhân lịch sử của triều Nguyễn trên vùng đất Đồng Nai, mà đây còn có thể xem là pho sử ghi lại một thời kỳ đấu tranh anh dũng của người dân Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ trong đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ Tổ quốc.

Mở đầu là những cuộc chiến tranh giành lãnh thổ giữa các bộ tộc trong Vương quốc Phù Nam rồi Chân Lạp, Chămpa. Đặc biệt là cuộc chiến giữa hai vương quốc Chân lạp và Chămpa kéo dài hàng thế kỷ mà Đồng Nai là vùng đệm trên đường chinh chiến của hai vương quốc đó, trong giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ XV sau công nguyên. Tiếp đến là cuộc chiến của nhà Nguyễn và nghĩa quân Tây Sơn trong thời kỳ khai phá mở mang, chinh phục vùng đất Đàng Trong. Cuộc chiến của quan quân nhà Nguyễn cùng nhân dân địa phương Biên Hòa- Đồng Nai chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này.

III.1.1 Sự kiện lịch sử tháng 12 năm 1861 – Biên Hòa rơi vào tay thực dân Pháp

Chứng kiến toàn bộ quá trình Pháp xâm lược các tỉnh phía Nam, với riêng vùng đất Biên Hòa, công cuộc chinh phục của Pháp tại đây được đánh dấu bằng sự kiện lịch sử tháng 12 năm 1861.

Sau khi đồn Chí Hòa bị thất thủ, thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, Tán lý Nguyễn Duy tử trận, quân triều đình rút về Biên Hòa đóng ở Dốc Sỏi. Triều đình liền cử khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi vào Nam thay thế, thống soái binh lực và toàn quyền trù hoạch việc kháng chiến. Vốn e sợ sức mạnh của thực dân Pháp, Nguyễn Bá Nghi đã chủ hòa, nhưng bất thành. Trong khi đó, quân dân Biên Hòa vẫn kiên quyết chống trả giặc quyết liệt và liên tiếp hai trận càn của Pháp tại khu vực suối Sâu.

Sau khi thám sát địa thế thành Biên Hòa vào tháng 10 năm 1861, theo ý của Phó đô đốc Bonard thì Pháp sẽ dùng chiến thuật gọng kìm vừa tấn công bằng đường thủy, vừa tấn công đường bộ để hạ thành Biên Hòa. Các lực lượng của Pháp

tham gia trận đánh này gồm: Đại đội khinh binh có pháo binh, kỵ binh và đơn vị cứu thương; đạo quân trù bị 300 lính thủy đánh bộ, thêm 100 lính Tây Ban Nha và 2 đại bác bắn tạc đạn; đạo quân của Đại tá Bris gồm các hạm thuyền và lính đổ bộ.

Việc tiến đánh sẽ thực hiện theo 3 bước. Ngày 13 tháng 12 năm 1861, Bonard đã gởi tối hậu thư cho khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi đòi quân triều đình triệt thoái các pháo đài, vật cản trên sông Đồng Nai. Chưa nhận được trả lời thì sáng sớm ngày 14 tháng 12, Bonard đã ra lệnh tiến quân theo bốn ngã vào Mỹ Hòa của nhà Nguyễn.

Cánh thứ nhất do trung tá tiểu đoàn trường Comte chỉ huy gồm: hai đại đội Khinh binh, 100 lính Tây Ban Nha, 50 ky binh, 4 khẩu pháo tiến vào rạch Gò Công hạ đồn Gò Công Trao Trảo rồi tiến về lũy Mỹ Hòa.

Cánh thứ hai do đại tá Domeneeh Diego chỉ huy gồm: 100 lính Tây Ban Nha, 1 đại đội lính thủy đánh bộ từ Sài Gòn lên Mỹ Hòa.

Cánh thứ ba do đại tá thủy quân Le Bris chỉ huy gồm: 2 đại đội lính thủy theo sông Đồng Nai bắn phá các đồn, vật cản trên sông sau đó cùng đổ bộ lên Mỹ Hòa.

Cánh thứ tư do viên đại tá Harel chỉ huy tàu Renommec, theo sau có các xuồng đi ngược Rạch Chiếc ở phía Nam Gò Công Trao Trảo phá các cản trên rạch Gò Công rồi hội quân ở Mỹ Hòa.

Cuộc chiến xảy ra rất ác liệt, quân đội triều đình Nguyễn đánh trả quyết liệt. Tàu Aiarme bị trúng 54 phát thần công gãy cột buồm, song do tương quan lực lượng cũng như vũ khí trang bị giữa ta và địch quá chênh nhau, quân triều đình buộc phải bỏ lũy Mỹ Hòa rút chạy để bảo toàn lực lượng.

Sáng ngày 17 tháng 12 năm 1861, chuẩn đô đốc Bonard - người trực tiếp chỉ huy trận đánh từ trên tàu hộ tống Ondine, ra lệnh cho quân Pháp hành quân theo sông Đồng Nai, dàn trận áp sát bờ. Đại bác từ các chiến hạm của Pháp trên sông Đồng Nai đồng đoạt nả đạn vào thành Biên Hòa, mở đường cho bộ binh ào ạt tiến

vào. Nhưng suốt ngày quân của triều đình và nghĩa quân Biên Hòa đã anh dũng đánh trả quyết liệt để giữ thành.

Sau ba đợt tấn công liên tiếp của Pháp, nhiều nơi trong thành Biên Hòa bị bốc cháy. Biết không giữ được thành, trong đêm 17, khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi đã ra lệnh cho quân đội rút khỏi thành Biên Hòa. Ngày 18 tháng 12, quân Pháp tiến vào chiếm thành Biên Hoa.

Vậy là chỉ trong thời gian ngắn, quân Pháp đã đạt được một số kết quả quan trọng được Bonard báo cáo về Pháp: "Phá hủy hoàn toàn và đánh tan doanh trại Mỹ Hòa, cách Sài Gòn 3 dặm, chiếm ba pháo đài, làm nổ tung cái thứ tư, quân đội Tự Đức triệt thoái hoàn toàn khỏi Biên Hòa, họ sợ bị cắt đứt con đường ra Huế trốn chạy hỗn loạn qua vùng núi non, bỏ lại tất cả các đồn lũy, đốt hết các kho tàng. Quân pháp thu được 48 khẩu đại bác, một kho gỗ quý và 14 chiếc thuyền trong đó có 10 chiếc có trọng tải 200 tấn, cuối cùng chiếm được một tòa thành. Mặc dù tổn hại mà quân địch tìm cách phá hủy, song liên quân vẫn có thể thiết lập ngay một đồn binh kha khá và nhà thương 100 giường ở một khu vườn tuyệt đẹp không có đầm lầy"

Sau khi chiếm được thành Biên Hòa, nhận rõ tầm quan trọng của thành với các tỉnh lân cận nói chung, tỉnh Biên Hòa nói riêng, thực dân Pháp đã bắt tay vào việc tu bổ, thu hẹp phạm vi của thành Biên Hòa, tiến hành xây dựng các cơ sở bên trong và ngoài thành (nhà ở, doanh trại, bãi tập, bãi bắn, nhà thương...), bố trí các sĩ quan cao cấp của lực lượng quân đội vào ở để trấn giữ bảo vệ thành Biên Hòa, đồng thời chỉ huy, ngăn chặn, đàn áp các cuộc nổi dậy của lực lượng nghĩa quân. Ngoài ra chúng còn cho xây dựng các đồn lũy ở huyện Long Thành, Bảo Chánh để ngăn chặn sự xâm nhập của quân triều đình từ Trung Kỳ vào; tiến hành xây dựng sân bay chiến lược quân sự cách thành Biên Hòa 1km về phía Đông; đặt hệ thống viễn thông trao đổi tin tức, bổ nhiệm Diego vào chức tham biện chính phủ tỉnh Biên Hòa. Mặt khác, Bonard cử một tư lệnh và hai thanh tra hành chánh để tiếp tục

công cuộc bình định, đặt nền cai trị thực dân trên đất Biên Hòa. Thành Biên Hòa một mặt trở thành căn cứ chỉ huy quân sự của Pháp để thực hiện công cuộc bình định và cai trị ở Biên Hòa nhưng mặt khác cũng là mục tiêu tấn công của lực lượng cách mạng trong thời kỳ chống Pháp xâm lược.

Không khuất phục trước mũi giày xâm lược của đế quốc phương Tây, nhân dân Đồng Nai và các tỉnh Nam kỳ liên tiếp nổi dậy, tổ chức tấn công đánh trả. Tiêu biểu như trận đánh của nhóm hội kín Lâm Trung Trại vào ngày 14 tháng 2 năm 1916. Đại cuộc bất thành, một số nghĩa quân của nhóm bị quân Pháp dùng nhiều phương cách bắt và tử hình. Nhưng tinh thần yêu nước và quật khởi xem nhẹ cái chết vì đại nghĩa dân tộc của những người lãnh đạo Lâm Trung Trại được người dân Biên Hòa ghi nhớ, tạc lòng. Những người lãnh đạo nhóm yêu nước bị Pháp tử hình được nhân dân địa phương thờ phụng tại chùa Bửu Hưng (người dân quen gọi là chùa Cô Hồn – một trong những di tích đã được tỉnh Đồng Nai xếp hạng).

*** Tìm hiểu thêm về lịch sử trận đánh Biên Hòa dưới cách nhìn của người Pháp theo tài liệu "Monograpphie de la province de Biên Hòa – SaiGon, 1901":**

"Tòa thành Biên Hòa nhỏ bé cách Sài Gòn khoảng 20 km ở ngạn sông Đồng Nai trên con đường đi ra Trung Kỳ, là nơi tập kết của Nguyễn Tri Phương và phần lớn bỏ chạy khỏi Chí Hòa. Do vậy, Biên Hòa trở thành vị trí đáng lo ngại. Vùng phụ cận Biên Hòa về phía Sài Gòn có nhiều công trình phòng ngự vững chắc, đặc biệt là một đồn lũy với 3.000 quân trên khu đất cao Mỹ Hòa, chỉ cách đồn binh Pháp không đầy dặm, sông Đồng Nai chảy qua lũy này đã bị ngăn chặn bởi một kè đá và cản bằng gỗ rất chắc. Các công trình phòng ngự này được một hệ thống đồ nhỏ bảo vệ ở cả hai bờ sông.

Bản thân đô đốc Bonnard biết rõ hệ thống phòng ngự khá vững chắc này và để đánh mọi chậm trễ, ông quyết định tiếp cận đánh thẳng vào phương chính

diện… Ông gửi một tối hậu thư cho sứ giả của triều đình Huế có mặt ở đó nhưng không được hồi âm.

Rạng sáng ngày 14 tháng 12, hai đạo quân được lệnh xuất phát. Đạo quân thứ nhất gồm bộ binh Pháp – Tây Ban Nha cùng vài kỵ binh và 4 đại bác được quyền chỉ huy của đại tá Comte đã được lệnh xuất phát từ đêm trước, chiếm lĩnh những cao điểm ở Hưng Lộc và ngay sau đó tiến về làng Gò Công (thuộc tỉnh Biên Hòa) là cứ điểm tiền tiêu then chốt của Mỹ Hòa. Đạo quân thứ hai chuyển đến thay thế vị trí cũ của đạo quân thứ nhất, do đại tá Tây Ban Nha Domenech Giego chỉ huy có nhiệm vụ hỗ trợ cho cuộc tiến công khi cần thiết. Đồng thời, đại tá hải quân Le Bris chỉ huy hai đội quân đổ bộ ngược lên rạch Gò Công, trong khi thiếu tá chỉ huy chiến hạm "Renommee" dẫn hải đội của mình theo Rạch Tiết tiến về mục tiêu chung.

Cuộc tiến công phối hợp theo ba cánh đạt hiệu quả mỹ mãn và làng Gò Công thất thủ chỉ sau một trận giao chiến ngắn ngủi.

Chiếm xong cứ điểm đầu tiên, các cánh quân nhanh chóng tiến về bao vây các đồn lũy dọc hữu ngạn sông Đồng Nai và lần lượt chiếm hết, mặc dầu đối phương chống cự rất ngoan cường.

Trại Mỹ Hòa rơi vào thế cô lập. Rạng sáng ngày hôm sau, tất cả các cánh quân phối hợp tấn công, đối phương không chống nổi, tan rã rút chạy về Biên Hòa. Thế là các cánh quân sẵn sàng chờ lệnh tiến thẳng về Biên Hòa.

Ngài đô đốc hình dung được những khó khăn trong trận cuối cùng này nên đã đích thân xuống chiến hạm "Ondine" trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công Biên Hòa, đi cùng là một pháo hạm nhỏ do đại úy thủy quân Jonnard chỉ huy. Một loạt đạn đầu tiên nhắm thẳng vào các vị trí phòng ngự của đối phương. Đến loạt đạn thứ ba thì quân An Nam không còn sức chống cự, rút chạy bỏ lại thành Biên Hòa bốc cháy.

Vậy là chưa đầy hai ngày, quân Pháp đạt được một số kết quả quan trọng, mà những nguyên nhân chính đã được chính đô đốc Bonard nêu lên trong báo cáo gửi về bộ trưởng: "Triệt phá cứ điểm Mỹ Hòa cách Sài Gòn ba dặm, chiếm được 3 đồng lũy phòng ngự, làm nổ tung một đồn khác. Binh lính của Tự Đức rút toàn bộ ra tỉnh Biên Hòa, nhưng lo sợ con đường ra Huế bị cắt đứt, đã rút chạy lộn xộn vào núi, bỏ lại tất cả các đồn lũy, đốt cháy hết khi kho tàng. Quân Pháp thu được 48 khẩu đại bác, một kho gỗ quý, và 15 chiến thuyền của quân triều Huế trong đó có 10 chiếc có trọng tải ngót 200 tôn – nô. Cuối cùng, thành Biên Hòa bị chiếm. Mặc dầu đối phương tìm mọi cách phá hủy, quân Pháp vẫn có thể thiết lập ngay một đồn binh với một bệnh xá 100 giường trên một địa bàn tuyệt vời, không hề có đầm lầy".

Sau khi Vĩnh Long bị chiếm, vua Tự Đức xin ký hiệp ước. Hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, quy định vua An Nam nhượng cho nước Pháp các tỉnh Biên Hòa, Sài Gòn và Mỹ Tho. Nhưng người Pháp còn phải mất một thời gian dài đáng kể từ cuộc chinh phục để đàn áp các cuộc nổi dậy của dân An Nam ẩn náu ở các xứ "Mọi" nằm sâu trong rừng rú Biên Hòa.

Nhằm cầm chân lực lượng nổi dậy và đặc biệt nhằm ngăn chặn sự thâm nhập của người An Nam từ Trung kỳ, người Pháp đã xây dựng những đồn lũy ở Biên Hòa ngay từ năm 1862 tại Long Thành và một đội binh do một sỹ quan Pháp chỉ huy được giao nhiệm vụ chốt giữ. Hiên nay, tại làng này vẫn còn dấu vết tường lũy và hào bao quanh đồn cũ.

Một đồn tiền tiêu, phụ thuộc đội binh Long Thành cũng được dựng lên ở Bảo Chánh nằm trên đường Tân Linh đi Phan Thiết ngót 40 km do đại úy Buosigon chỉ huy. Ông này về sau là thanh tra bản xứ vụ. Do dịch sốt rét rừng, quân Pháp đóng ở chân núi Chứa Chan đã bị chết nhiều. Vì vậy năm 1865, đồn Bảo Chánh bị triệt bỏ và mấy năm sau đồn Long Thành cũng triệt bỏ luôn. Thay

thế vào đó là một tiểu đội lính tập, về sau là lính khố đỏ. Từ năm 1887, không còn đội binh nào đóng ở Long Thành."

Như vậy, trước sức mạnh của giặc ngoại xâm, mặc dù quan quân triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng, bỏ chạy nhưng phong trào đấu tranh chống Pháp buổi đầu trên vùng đất Đồng Nai vẫn diễn ra vô cùng quyết liệt khiến "người Pháp phải mất một thời gian dài đáng kể từ cuộc chinh phục để đàn áp các cuộc nổi dậy của dân An Nam ẩn náu ở các xứ "Mọi" nằm sâu trong rừng rú Biên Hòa".

III.1.2 Những trận đánh trả quyết liệt, chống Pháp xâm lược ở Thành Biên Hòa

Sau khi mạng tháng Tám thành công trên mặt trận cả nước, tháng 10 năm 1945, thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Biên Hòa. Quân dân Biên Hòa bước vào thời kỳ chiến đấu mới.

Trước tình trạng lúc bấy giờ ở Biên Hòa tồn tại nhiều lực lượng vũ trang nhưng mối quan hệ giữa các lực lượng này lại chưa chặt chẽ và thiếu thống nhất nên sau Hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ mở rộng tổ chức ở Bình Hòa Nam (Chợ Lớn), Tư lệnh khu 7 đã quyết định huy động lực lượng tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Cuối tháng 12 năm 1945, các lực lượng vũ trang từ Tân Uyên, Gia Định, Rừng Sác đã bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa…

Rạng sáng ngày 2 tháng 1 năm 1946, lực lượng vệ quốc đoàn tỉnh Biên Hòa do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy, bố trí tại Dốc Sỏi (Biên Hòa) phối hợp với đơn vị khác do đồng chí Nguyễn Văn Bứa chỉ huy bố trí ở ngã ba Bình Thạnh - Cây Đào làm nhiệm vụ chi viện, tạo điều kiện cho bộ đội Ba Dương (liên chi 2-3) từ huyện Long Thành - Bến Gỗ chia nhiều mũi nhọn luồn sâu vào trọng tâm tỉnh lỵ Biên Hòa tấn công thành Xăng đá (thành Biên Hòa), các trạm gác, nhà lao, tòa Bố, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Ghành. Địch hoàn toàn

bất ngờ trước đợt tấn công. Quân ta làm chủ các đường phố, làm cho địch hoang mang bị động phải cố thủ trong thành Xăng đá.

Cuộc tấn công đầu tiên vào thành Xăng đá tuy không chiếm giữ được mục tiêu nào cụ thể nhưng gây một tiếng vang chính trị rất lớn. Góp phần thu hút các lực lượng yêu nước ở Sài Gòn, và các tỉnh miền Tây tìm về Biên Hòa tham gia kháng chiến, đồng thời "Tiếng súng Biên Hòa" đã đập tan luận điệu tuyên truyền huênh hoang của địch rằng Việt Minh đã bị tiêu diệt và sẽ "Bình định xong Nam Kỳ trong ba tháng". Trận đánh lịch sử này cũng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp của nhân dân Biên Hòa nói riêng và Nam Bộ nói chung góp phần cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào tham gia kháng chiến, bất hợp tác với giặc của nhiều tầng lớp nhân dân.

Cũng trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, một sự kiện tiêu biểu khác đã diễn ra tại thành Biên Hòa đó là trận đánh phối hợp của công binh xưởng (thuộc chi đội 10) do đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy với các đơn vị bộ binh khác vào lúc 2 giờ sáng ngày 1 tháng 1 năm 1947, nhân kỷ niệm một năm Vệ quốc Đoàn tấn công tỉnh lỵ Biên Hòa. Chỉ huy trưởng chi đội 10 - Huỳnh Văn Nghệ nói: "Không còn bao lâu nữa là đến ngày kỷ niệm ta tấn công tỉnh lỵ Biên Hòa năm trước. Lúc đó lực lượng đông, gồm có bộ đội anh Tô Ký, anh Huỳnh Tấn Chùa, anh Huỳnh Kim Trương và của Biên Hòa. Bây giờ chỉ còn một mình, chi đội củng cố về thăm đồng bào trong ngày xuân để báo rằng: Mình hãy còn đây, năm nay tụi Pháp đề phòng chặt chẽ, ta vào ít thôi miễn gây được tiếng nổ, đốt các phòng thông tin của chúng, rải truyền đơn là được rồi".

Sau khi nghe báo cáo tình hình trong tỉnh lỵ, chi đội quyết định cho xuất trận khẩu cối 81 ly tự tạo bắn vào thành Xăng đá – sào huyệt của quân Pháp ở Biên Hoà. Kế hoạch tấn công được thông qua như sau:

Đại đội A theo hướng núi Bửu Long vào phục kích ở chòm mã Dốc Sỏi chặn viện binh từ sân bay ra.

Trung đội 5 đại đội B từ bến đò An Hảo đến ngã ba kỷ niệm theo ngã nhà thương đánh vào chợ Biên Hòa, đến phòng Thông tin rải truyền đơn.

Riêng khẩu cối 81 ly do đồng chí Bùi Cát Vũ đảm nhận, tổ chức anh em công binh xưởng tham gia, có sự tăng cường phối hợp của lực lượng du kích liên thôn 4 do đồng chí Tư Xã lãnh đạo, đảm nhận việc là vác đạn dẫn đường. Đây là mũi chính của chi đội 10 tấn công vào thành.

7 giờ tối ngày 31 tháng 12 năm 1946, mũi tấn công vào thành Xăng đá do đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy bắt đầu hành quân theo đường Bửu Long - Hầm Nhật về sở Cải vào lúc 11 giờ đêm.

2 giờ sáng là giờ ấn định tấn công vào thành Xăng đá vì đây là lúc lính tuần tiễu vừa mới thay ca gác, nên địch có nhiều sơ hở. Khẩu cối 81 ly nhanh chóng đưa vào gốc cây sao trước "trường con gái" (nay là Trường tiểu học Quang Vinh).

Để đề phòng mọi bắt trắc, phát đầu tiên chỉ một mình đồng chí Bùi Vũ đứng cạnh khẩu cối rút chốt an toàn, bỏ đạn. Khẩu cối 81 ly khạc lửa, một tiếng nổ lớn phát ra xé tan màn đêm yên lặng. Quả đạn bay đi mang theo một tia lửa màu da cam mất hút rồi nổ giòn phía thành Xăng đá. Ba đồng chí Long, Khanh, áp nhanh chóng ghì chặt bàn đế, chân súng để đồng chí Bùi Cát Vũ bắn những loạt đạn tiếp theo vào mục tiêu. Ngọn lửa trong thành bốc cao quyện trong khói đen thành màu đỏ sẫm, tiếng cháy rần rần như cơn giông mưa, cả phân đội vỗ tay hò reo như xem hội.

Cùng với tiếng nổ ở thành Xăng đá, tiếng lựu đạn ở phía chợ Biên Hòa cũng đồng loạt nổ vang. Tiếng súng ở khoảng giữa tỉnh lỵ Biên Hòa và sân bay hướng Dốc Sỏi do trung đội 1 của đồng chí Ngô chặn đánh xe địch ở sân bay ra tiếp viện.

Cứ như vậy phân đội cối 81 ly do đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy liếp tục bắn thêm ba đợt nữa vào thành Xăng đá rồi rút về chiến khu Đ an toàn.

Trận tấn công thành Xăng đá đêm 31 rạng ngày 1 tháng 1 năm 1947 đã đạt được mục tiêu mà chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ đề ra: "Về thăm lại bà con thị

xã sau một năm xa cách". Gây cho địch những tổn thất nặng nề, hứa hẹn một khả năng chế tạo vũ khí của công binh xưởng trong những ngày đầu kháng chiến.

Như vậy trong suốt thời gian tồn tại, thành Biên Hoà đã trở thành nơi minh chứng lịch sử đấu tranh anh dũng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai chống kẻ thù xâm lược. Vì vậy, di tích rất cần được ghi nhận, giữ gìn, bảo tồn, khai thác những giá trị lịch sử quý giá đó trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

III.2 Cảm nhận giá trị về mặt kiến trúc

Không chỉ là nơi ghi dấu, chứng kiến những thăng trầm lịch sử trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm của người dân Đồng Nai, thành Biên Hòa còn là chứng tích về trình độ kỹ thuật của ông cha ta trong những công trình quân sự thuở khai hoang, mở đất.

Hiện nay, tuy không còn nguyên vẹn như xưa, song những gì còn sót lại như: vị trí, hình dáng, chất liệu xây dựng, hệ thống lo cốt, biệt thự… ở thành Biên Hòa đã phản ánh được trình độ kỹ thuật, kiến trúc quân sự của cha ông. Các công trình kiến trúc và những dấu tích còn lại là những tư liệu quý về kỹ thuật xây dựng vào thời kỳ đầu chế độ đô hộ thực dân. Trong đó, khá rõ nét là công trình phòng thủ quân sự và công trình nhà làm việc, nhà ở kiểu Pháp; các đoạn tường thành, móng thành và các vị trí chiến đấu. Tại đây dù xây theo kiến trúc phương Tây song cũng thấy ảnh hưởng của tính bản địa qua việc sử dụng các vật liệu tại chỗ như gỗ, đá tổ ong, bên cạnh các vật liệu thuần châu Âu như gạch chỉ, thép...

Những nghiên cứu về Thành Biên Hòa cho thấy, nhiều kỹ thuật xây cổ vẫn còn giá trị cho các nhà nghiên cứu về công nghệ xây dựng ngày nay như: Các sàn gạch bằng vữa vôi, kết cấu giàn mái bằng thép - gỗ, cấu tạo thông gió trong ngôi nhà, cách thức lợp mái hiện đại nhưng lại xuất hiện hơn một thế kỷ trước và kỹ thuật chống sét cũng như hệ thống kỹ thuật cuốn vòm bằng gạch…

Bên cạnh đó là kỹ thuật xây tường thành được đắp bằng đất năm 1834 và xây bằng đá ong năm 1837. Dưới thời Gia Long và Minh Mạng, thành trì toàn quốc đều xây dựng theo kiểu bố phòng Vô-băng. Nghĩa là tường thành cao và dày, lại có cạnh dích dắc để súng đạn từ trong thành bắn ra được bao phủ đều khắp quanh thành. Ngoài tường thành là hào nước vừa rộng, vừa sâu bao suốt chung quanh.

Trong thành, ngoài kỳ đài, thành có 10 ngôi công đường chính (hiện vẫn chưa hiểu rõ chức năng). Những ngôi nhà này theo quan điểm của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, có thể cũng được làm như kiểu đình chùa xưa, thường là cột kèo bằng gỗ và lợp ngói với quy mô rộng. Xây dựng theo kiến trúc của Pháp nhưng các yêu tố về phương hướng, cổng thành vẫn theo truyền thống văn hóa Việt Nam và thuật phong thủy á Đông.

Ngoài ra, để xây dựng nên thành Biên Hòa, nhà Nguyễn đã huy động tổng cộng 5.000 lượt người dân tại Biên Hòa tham gia. Vì vậy, có thể nói Thành cổ Biên Hòa là thành quả lao động của người dân Biên Hòa – Đồng Nai xưa. Vật liệu xây dựng thành Biên Hòa năm 1838 là vật liệu tại chỗ của Biên Hòa, ban đầu là đất và sau đó là đá ong. Loại đá ong với những tảng lớn (hiện nay còn lại một số cạnh tường thành) cho thấy chúng được khai thác, vận chuyển khá kỳ công mà người dân Biên Hòa đã thực hiện. Theo một tài liệu thống kê những năm đầu thế kỷ XX, thì Biên Hòa có hằng trăm chỗ khai thác loại đá ong này nhưng đặc biệt là các làng: Bình Đa, Nhựt Thanh, Tân An, Tân Bản, Bình Dương, Long Điềm, Phước Tân, An Lợi, Bình Ý, Tân Mai, Vĩnh Cửu, Tân Phong, Bình Thành, Long Thuận, Phước Long, Phước Kiển. Đá ong cũng là vật liệu trước đây khi nhà Nguyễn tiến hành xây thành Bát Quái tại Gia Định.

Bên cạnh đó, xét về yếu tố vị trí địa lý trong quan niệm phong thủy của người xưa, Thành Biên Hòa hiện hữu trên một khu đất bằng phẳng hình vuông có tổng diện tích 10816,5m^2, hiện nay nằm trong khu vực đông dân cư thuộc khu phố

I, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa. Dưới triều Nguyễn, vị trí thành tọa lạc bây giờ thuộc thôn Bàn Lân, huyện Phước Chánh, tỉnh lên Biên Hòa. Thời đó nơi đây là khu vực rừng điệp, đầm hồ. Mặt chính của Thành Biên Hòa quay về hướng Tây - Nam, được án ngữ bởi sông Đồng Nai - con đường thủy duy nhất nối Sài Gòn - Biên Hòa, xa hơn một chút là núi Châu Thới, đồn Mỹ Hòa với 3.000 quân đóng giữ. Phía sau Thành Biên Hòa dựa lưng vào núi Bửu Long. Mặt hông thành 1à đường Thiên Lý (nay là quốc lộ 1) – con đường bộ duy nhất chạy ra Huế. Xung quanh thành có rừng, hồ bao bọc.

Được xây dựng để phục vụ cho mục đích quân sự, ông cha ta đã biết khai thác, vận dụng sức mạnh từ địa thế thiên nhiên theo cách nhìn địa chính trị trên cơ sở phát huy sự hòa hợp về địa thế, địa hình, đồi núi, sông ngoài… bao quanh theo quan niệm phong thủy để đáp ứng nhu cầu phòng thủ, tấn công địch đạt hiệu quả cao nhất trong chiến tranh.

Chẳng hạn như, phía trước thành được án ngữ bởi sông Đồng Nai – con đường thủy duy nhất nối các khu vực Biên Hòa – Sài Gòn – Gia Định; xa hơn nữa có núi Châu Thới và đồn Mỹ Hòa án ngữ. Phía sau thành dựa lưng vào khu núi Bửu Long; bên hông thành là con đường bộ độc đạo chạy ra kinh thành Huế. Bốn mặt thành được bao bọc bởi đầm hồ và rừng điệp. Chính sự kết hài hòa giữa địa hình, phong cảnh, thiên nhiên vùng nhiệt đới trong đó ẩn náu tay long, tay hổ, những án, những chẩm, những minh đường, não đường đã làm tăng thêm vẻ đẹp cổ kính của Thành Biên Hòa. Đồng thời tạo điều kiện hết sức thuận lợi trong việc phòng thủ, tấn công địch khi xảy ra chiến tranh.

Nếu xét theo thuyết “Địa chính trị“ của Giáo sư sử học Trần Quốc Vượng: "Tất cả các thành trì ở Việt Nam thường nằm dọc theo sông" là rất đúng với trường hợp thành Biên Hòa. Bắt đầu từ đầu nguồn sông Đồng Nai, khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết còn lại của "Thánh địa Cát Tiên", tiếp đến 1à "Thành Biên Hòa" (tức ở giữa là "Thành Biên Hòa" và tận cùng là cảng Cần Giờ).

Đây chính là những cứ liệu quý giá giúp cho các nhà nghiên cứu quân sự tham khảo, tìm hiểu phần nào kỹ thuật xây thành, đắp lũy của cha ông ngày xưa, cũng như việc áp dụng thuật phong thủy, thuyết "địa chính trị" trong việc chọn vị trí xây dựng căn cứ quân sự trong giai đoạn lịch sử sau này.

Qua các đợt khảo sát lập hồ sơ vào các năm 1977, 2000 và 2001, thống kê cho thấy, thành Biên Hòa vẫn giữ được các hạng mục kiến trúc có giá trị gồm: các hạng mục tường thành thuở ban đầu khởi xây dựng từ nhà Nguyễn, hạng mục lô cốt và các biệt thự được xây dựng từ thời Pháp thuộc.

III.2.1 Các công trình tường thành

Do nhiều yếu tố khách quan tác động nên mặc dù thuở sơ khai, thành rộng tới 18 ha và được bao quanh bởi hệ thống tường rào bằng đá ong kiên cố nhưng hiện nay thì không còn nhiều. Hiện hữu Thành Biên Hòa là một hình vuông được liên kết với nhau bằng bốn đoạn tường thành bằng đá ong, có tổng chiều dài 438,9m; được phân bố như sau:

Hướng Đông Bắc dài 105,3m

Hướng Tây Bắc dài 116,3m

Hướng Đông Nam dài 109,1m

Hướng Tây Nam dài 108,2m

Hướng Đông Bắc và hướng Tây Bắc tường thành chỉ còn phần dưới. Độ cao 1-1,5m (tùy địa hình).

Hướng Tây Nam chỉ còn duy nhất một đoạn tường thành nguyên vẹn dài 30m, cao 3,2m. Độ dày chân tường 1,2m, đỉnh tường 0,6m. Số còn lại đã bị đập bỏ do nhu cầu mở rộng lòng lề đường Phan Chu Trinh (tháng 9 năm 2001). Riêng hướng Đông Nam tường thành còn nguyên vẹn: chiều cao của thành đo được 2,5m; độ dày chân thành 1,2m; đỉnh thành 0,6m. Tường thành được xây dựng bằng hai loại đá ong (một có kích thước hình vuông (35cm x 35cm x 12cm); một có dạng hình chữ nhật (kích thước đo được 30cm x 20cm x 12cm). Hai loại đá này được

gắn kết lại với nhau bằng một loại hợp chất (dầu ô dược) gồm: cát, mật ong, mật mía và vôi.

Nếu nhìn theo mặt cắt ngang, tường thành Biên Hòa được xây dựng có kiến trúc dạng hình thang cân. Chính lối kiến trúc này đã tạo cho tường thành có độ vững chãi, ít bị sạt lún.

III.2.2 Các kiến trúc biệt thự

Bên cạnh các đoạn tường thành, thành Biên Hòa hiện còn 2 khu biệt thự. Trong đó có kiến trúc biệt thự hướng Tây Bắc và kiến trúc lầu hướng Đông Nam của thành. Đây là những hạng mục công trình còn sót lại được Pháp xây dựng trong thời gian chiếm đóng thành Biên Hòa từ năm 1861.

Ngôi biệt thự hướng Tây bắc của thành được xây dựng theo kiến trúc một trệt hai lầu. Toàn hệ thống tường được xây dựng bằng đá ong và gạch thẻ, không có hệ thống cột. Kích thước của tường dày 0,6m. Tường lầu cao 4,2m, trệt cao 3,8m; trần đổ bê tông ốp gạch thẻ dạng cuốn vòm, có các hệ thống thông hơi trên trần và mái, nền lát gạch tàu hình lục giác, mái lợp ngói vẩy cá. Có hệ thống hành lang rộng 2,5m chạy xung quanh nhà. Đặc biệt dọc các tuyến hành lang được bố trí hệ thống cửa hình vòm cuốn có kích thước 2,3m x 2,1m. Cụ thể: Hành lang Đông Nam (8 cửa); hành lang Tây Bắc (8 cửa) nay đã bít lại; hành lang Tây Nam (4 cửa) và hành lang Đông Bắc (4 cửa). Riêng 6 ô cửa ở khu vực tiền sảnh và cầu thang có kích thước 1,7m x 2,6m.

Nối liền giữa tầng trệt và tầng lầu là một cầu thang sắt đặt cuối hành lang phía Tây của kiến trúc. Tầng lầu được ngăn chia thành 4 phòng, kích thước sử dụng các phòng như nhau (5,5m x 9,6m). Có hai hệ thống cửa chính và 4 cửa sổ bố trí ở hai mặt thông với hành lang trước và sau. Kích thước cửa chính và cửa sổ như nhau (1,5m x 2,9m) đối với cửa chính và 2,1m x 1m đối với cửa sổ). Riêng hai phòng bìa có thêm một cửa chính và hai cửa sổ thông ra hành lang phía Đông và

hành lang phía Tây. Chính nhờ các hệ thống cửa sổ cũng như cửa chính (như đã trình bày) đã tạo nên sự thoáng mát cho kiến trúc.

Khi xưa, ngôi nhà này xây dựng dành riêng cho các sĩ quan cao cấp của quân đội Pháp ở.

Khác với tầng lầu, dưới tầng trệt cũng được phân chia thành 4 phòng và hệ thống hành lang xung quanh. Song độ cao của tầng trệt thấp hơn (3,8m). Hệ thống cửa chính và cửa sổ ít hơn, kích thước cũng nhỏ hơn. Trong đó, toàn bộ hệ thống cửa sổ dọc các hành lang xung quanh kiến trúc đều có kích thước (1,6m x 1m), có song sắt bảo vệ.

Dẫn vào kiến trúc duy nhất chỉ có một cửa chính (kích thước 1,05m x2,8m), cánh sắt được bố trí ngay cạnh hông tiền sảnh phía Đông Nam của kiến trúc. Hệ thống cửa chính ở tầng trệt đều sử dụng cửa hai cánh bằng gỗ kích thước (1,05m x2,8m). Độ dày của cánh 10cm.

Tất cả các phòng đều được ngăn đôi với nhau bằng một bức tường dày 40m; cao tới trần. Thậm chí phòng bìa ở cạnh hành lang phía Tây, phần sau của phòng tiếp tục được ngăn thành hai phòng nhỏ. Tại hai phòng này hệ thống cửa sổ và cửa chính rất nhỏ.

Theo một số nhân chứng đã từng làm việc trong di tích thành Biên Hòa của chế độ cũ kể lại: vào các giai đoạn 1957 trở về sau này, thành được chia làm hai khu vực phía Tây bắc của Thành thuộc quyền sử dụng của cơ quan phòng nhì. Tại ngôi nhà lầu này một thời gian khá dài cơ quan phòng nhì đã dùng tầng trệt của ngôi nhà để giam giữ, khảo tra các chiến sĩ cách mạng. Có lẽ vì thế là kiến trúc tầng trệt đã có một số sự thay đổi như hệ thống cửa chính; cửa sổ cũng như sự lưu thông giữa các phòng bị giảm xuống (chỉ 1à những ô cửa sắt rất nhỏ (20cm x40cm) bằng chắn song sắt được bố trí gần với trần nhà và các phòng đều được ngăn thành những phòng rất nhỏ bằng hệ thống tường dày 0,40m). Có lẽ chính sự thay đổi trên đã làm cho tầng trệt trở nên ngột ngạt, thiếu ánh sáng.

Hạng mục kiến trúc thứ hai là hệ thống biệt thự lầu hướng Đông Nam. So với kiến trúc ở hướng Tây Bắc của Thành, kiến trúc này có quy mô xây dựng nhỏ hơn ($200m^2$), đơn giản hơn, vẫn kiến trúc Pháp một trệt một lầu, cửa cánh gỗ cuốn vòm. Cụ thể: chỉ có một hành lang phía mặt tiền của kiến trúc, toàn bộ hệ thống tường của kiến trúc được xây bằng gạch thẻ. Độ cao của tường 4,2m (lầu) và 3,8m (trệt). Độ dày của tường khoảng 0,6m, nền được lát gạch tàu hình vuông kích thước 30cm x30cm. Mái lợp ngói tây có ký hiệu Mac xây (Marseille) trên từng viên ngói.

Kiến trúc được bố trí thành 4 phòng (hai trên, hai dưới) và một công trình vệ sinh chung cho cả hai lầu được bố trí phía sau cầu thang lên xuống.

Đi vào kiến trúc bằng hai cửa chính (cửa hai cánh bằng gỗ khích thước 1,05m x 2,8m). Mỗi phòng được bố trí một cửa chính và 5 cửa sổ (hai cửa ở mặt tiền và ba cửa ở hông nhà) kích thước 1m x2,1m.

Nối giữa tầng trệt và tầng lầu bằng một cầu thang sắt được bố trí phía sau căn phòng hướng Nam của kiến trúc.

Cũng như kiến trúc hướng Tây Bắc của Thành, kiến trúc này trong giai đoạn 1957 trở về sau được Sở An ninh của chính quyền Sài Gòn sử dụng thành nơi làm việc của chỉ huy Sở An ninh. Đây là nơi đề ra các kế hoạch tác chiến, đàn áp, khủng bố các phe phái đối lập, các phong trào đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, 11 tỉnh miền Đông Nam Bộ nói chung lúc bấy giờ.

Như vậy cả hai hạng mục công trình trên không chỉ có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật mà còn trở thành nơi minh chứng cho những tội ác mà pháp Mỹ gây ra đối với đồng bào miền Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng. Hay nói khác đi bản thân di tích này đang chứa đựng những giá trị lịch sử, kiến trúc rất cần được bảo tồn và khai thác.

III.2.3 Hạng mục lô cốt

Các lô cốt trong khu di tích thành Biên Hòa đều được bố trí tại các góc của thành, vật liệu xây dựng chủ yếu bằng đá ong và thẻ. Quy mô xây dựng nhỏ, diện tích đo được 3,9m^2 (3,5m x 2,8m x 0,4m) được xây theo hình cánh cung, ba mặt bố trí các lỗ châu mai. Hiện tại chỉ còn lại duy nhất một lô cốt ở góc Đông của Thành, số còn lại chỉ còn nền và móng.

Bên cạnh các hạng mục trên, một yếu tố khác góp phần định hướng cho việc phục hồi nguyên trạng Thành Biên Hòa xưa đó 1à con đường chính từ hướng sông Đồng Nai dẫn vào cổng Thành vẫn hiện hữu như xưa. Các hạng mục hiện hữu là những yếu tố gốc hiếm hoi còn sót lại của di tích thành Biên Hòa xưa đang rất cần được bảo tồn và tôn tạo để những giá trị lịch sử văn hóa, khoa học nghệ thuật kiến trúc mà bản thân di tích chứa đựng không bị mai một theo thời gian.

III.3 Cảm nhận giá trị về mặt khảo cổ học – lịch sử

Không chỉ mang giá trị to lớn về mặt kiến trúc, quân sự; trong quá trình tìm kiếm thông tin về thành cổ Biên Hòa, tôi còn được tiếp cận những phát hiện mới cho thấy trong lòng thành Biên Hòa chứa đựng những giá trị to lớn về mặt khảo cổ.

Xung quanh khu vực thành Biên Hòa xưa, người ta đã phát hiện ra nhiều cổ vật có giá trị. Trong đó tiêu biểu như tượng Phật bốn tay. Cuối thế kỷ XIX, lực lượng đồn trú Pháp phát hiện bức tượng bằng đá lạ nằm trong bọng một gốc cây giò heo (cây trôm), họ sử dụng làm bia tập bắn. Dân làng xung quanh biết chuyện đã cậy nhờ xin cho rước tượng về chùa Bửu Sơn (chùa Một cột) thờ cúng và cho đó là tượng Phật Bà bốn tay. Qua nghiên cứu của người Pháp, thì đây là tượng thần Visnhu, một trong ba vị thần chủ yếu của tôn giáo Brahma (Ấn Độ) do hoàng tử Naut Glaun Vijaya con của hoàng đế Srijaya Simhaoarman nước Chămpa sau cuộc viễn chinh thắng lợi tới vương quốc Kve`a trở về đã tạc bức tượng này để tạ ơn thần. Niên đại tạc bức tượng này trong bia ghi bằng chữ SansKrit cổ, được xác định vào khoảng thế kỷ XIV cacka tương đương thế kỷ XV sau Công nguyên. Hiện tượng được phục chế và trưng bày tại Bảo tàng tỉnh.

Ngoài ra khu vực xung quanh chùa Bửu Sơn, còn phát hiện các hiện vật như: Youni và bệ thờ, ba tấm đan làm bằng đá có niên đại khoảng thế kỷ VII-VIII sau công nguyên. Tại khu vực Cây Chàm, trong quá trình đào móng làm nhà, nhân dân đã phát hiện 4 bức phù điêu và đưa về thờ tại Miếu Bà gồm: hai phù điêu hình người, hai phù điêu hình vật thiêng làm từ đá quánh, niên đại khoảng thế kỷ XIII – XIV...

Đầu năm 2012, được sự chấp thuận của UBND tỉnh, đoàn khảo sát của trường đại học KHXH&NV TPHCM đã tiến hành khai quật và đào 14 hố thám sát với tổng diện tích hơn 60m² nằm trong chu vi thành Biên Hòa. Kết quả thám sát qua 14 hố cho thấy tồn tại nhiều tầng văn hoa khác nhau với mật độ hiện vật gốm dày đặc. Đặc biệt, tại hố H14 đoàn khảo sát còn phát hiện nền sân của thành Biên Hòa xưa.

Tại lớp mặt dày 40-50cm, xuất hiện nhiều hiện vật như gạch thẻ, gạch lát, mảnh bê tông, vôi vữa, đá răm nhỏ, cát xây dựng, mảnh chén, bát có men... Đây là lớp văn hóa hiện đại ngày nay, gồm lớp đất mặt (10cm), lớp nền của các kiến trúc hiện đại xây dựng lên (20cm), rồi tới lớp đất cứng chứa nhiều ô xít sắt - đá ong hóa (10cm) được đổ để gia cố nền đất, dưới lớp này lại được gia cố thêm một lớp 10cm với nhiều đá răm vụn.

Lớp văn hóa ghi nhận được ở đây có độ dày từ 0,9m tới 1,4m, loại đất trong lớp văn hóa này chủ yếu là đất sét chắc hàm lượng cát ít, có màu nâu đỏ với độ ẩm tương đối cao. Trong lớp này các hiện vật đa số thu được là đồ gốm và sành dân dụng, một số hiện vật khác như mảnh ngói, vòng đồng… cũng được tìm thấy.

Về nền móng kiến trúc được phát hiện trong quá trình khảo sát, theo các nhà nghiên cứu, chủ yếu có liên quan trực tiếp tới di tích Thành Biên Hòa giai đoạn Pháp sử dụng. Tại các hố có vết tích của nền móng này phát hiện một số phế tích của Thành như móng gạch đá ong, gạch thẻ, đá, đường ống nước bằng sắt. Hố H13 phát lộ khối hộc xây hình chữ nhật (3,25x2,15m), độ dày 25cm sâu 2,1m. Bên

trong được sử dụng làm hố chôn phế thải, thu nhặt được các hiện vật trong hố gồm, mảnh lu sành, chén đĩa có tráng men, gạch, đá ong, đá, dây kẽm gai, đạn súng và vỏ đạn… Hố H14 phát lộ đường sân của kiến trúc được lát bằng gạch vồ.

Ngoài ra, phát hiện dưới nền móng tòa thành cổ cả trầm tích văn hóa nguyên thủy có độ dày 90-140cm ken dày dấu tích 3.054 tiêu bản thuộc 3 khối nguồn liệu liên quan trực tiếp đến đời sống cư dân cổ chính "trên mảnh đất này", dàn trải trong khung niên biểu khá lớn, ít nhất từ thời kỳ truyền thống văn hóa Óc Eo ở Biên Hòa và Đông Nam bộ hiện hữu thịnh đạt nhất (thế kỷ VI-VII AD) cho đến các thời kỳ hậu Óc Eo, Trung và Cận đại.

Phát hiện này củng cố thêm về sự hiện diện của các chứng tích vốn có ở chính Thành cổ Biên Hòa và vùng ven từ nhiều năm trước, như các tượng thần Hindu giáo Visnu, Ganesha, Lasmi, tượng nam thần, tượng Phật thiền dưới mái che 7 đầu rắn thần Naga, các phù điêu người cầu nguyện, các cấu kiện kiến trúc đài điện Hindu giáo hoặc linh vật bằng đá phiến như Yoni, bệ thờ, tấm đan giống đà ngang hay bậc tam cấp kiến trúc... và hàng ngàn cổ vật như bàn nghiền kiểu Pesani, chày nghiền, ngói chóp, bình con tiện, bình có vòi, gốm mịn và gốm tráng men niên biểu xác thực cả truyền thống cư trú và sáng tạo văn hóa cổ kính và lâu đời ở đất Biên Hùng trước cả thiên niên kỷ khi vua Gia Long và Minh Mạng định thành trấn thủ.

Trong Tổng số 3.054 tiêu bản được phát hiện qua đợt thám sát đều có giá trị nghiên cứu trải rộng ở nhiều lĩnh vực khác nhau: đồ gia dụng, gốm thời Cổ sử có tới 1.324 tiêu bản (chiếm 43,3% tổng số hiện vật), Đồ sành và gốm tráng men thời Trung - Cận đại có 321 tiêu bản (10,5%), Đồ sứ thời Trung - Cận đại có tới 1.350 tiêu bản (44,2%). Ngoài ra có đồ trang sức và một số vật dụng thời Trung - Cận đại khác như đá cát có vết chế tác, các thỏi - cục đất nung cháy; đặc biệt, có 2 đường móng đá ong và các vỉa đá ong, sàn cement liên quan đến cấu trúc Thành Biên Hòa xưa; cùng các vật dụng khác như xương thú, vỏ đạn và đầu đạn các loại, đồ sắt

quân dụng và công cụ - dụng cụ sắt: bản lề, móc cửa, đinh các loại, nẹp sắt, dũa, đục….

Bên cạnh các di tồn văn hóa cổ thu thập được qua 6/14 hố đào khảo cổ minh định khá rõ ràng về ít nhất ba thời kỳ cư trú lớn ở cương vực Thành cổ Biên Hòa và vùng ven được khảo sát. Xưa nhất ở đây chính là các dấu vết cư trú thời Cổ sử thuộc truyền thống văn hóa Óc Eo - hậu Óc Eo. Thì ở khối di tồn vật thể thứ hai chính là các sưu tập mảnh thuộc đồ sành các loại; chủ yếu là đồ gia dụng từ nhiều nguồn lò Việt vùng Biên Hòa và cả ở miền Nam Trung bộ (Việt Nam), có cả gốm Gò Sành và gốm Champa, có cả gốm Khmer…; cùng các sưu tập lớn hơn của nhiều đồ gốm tráng men từ đồ dân dụng đến đồ kiểu, chủ yếu gốm hoa lam các lò gốm tỉnh ở miền Nam Trung Quốc (khối lượng mảnh lớn tới vài ngàn đồ sứ cần nhiều thời gian chỉnh lý và đối sánh hơn). Những tư liệu khảo cổ học này chứng thực quá trình tụ cư sinh sống của làng xưa Tân Lân thời Trung và Cận đại hiển nhiên cũng từ trước khi định cả cương vực này thành tỉnh.

Khối di tồn vật thể thứ ba được phát hiện và ghi nhận liên quan trực tiếp đến các đường móng nhà bằng đá ong, các sàn bê tông và căn hầm dưới lô cốt của Thành cổ Biên Hòa xuất lộ trong các hố đào ở nội đô thành hiện tại. Những nhận thức chính xác hơn về tuổi của các móng kiến trúc này và công năng căn hầm dưới lô cốt Thành Biên Hòa cần kiểm chứng thêm về sau ở các chương trình tôn tạo di tích Thành Biên Hòa. Tuy nhiên trước mắt, toàn bộ hiện vật ở các phân lớp địa tầng trên cùng di tích Thành Biên Hòa và vùng ven có thể liên quan đến công trình phòng thủ này (gạch kiến trúc bằng đá ong, gạch đinh nung đặc, nguyên liệu ngói lợp, gốm - sành - sứ cận đại và hiện đại, các vật dụng sinh hoạt các thời như đồ sứ trắng cao cấp châu Âu, vỏ chai rượu Tây, xương trâu bò, than củi đun nấu, các đồ quân dụng sản xuất từ Pháp và cả từ Mỹ, đầu đạn các loại, có cả các viên đạn nguyên chỉ dẫn vị trí "*hầm chứa đạn*" trong nội ô Thành cổ…

Tất cả những phát hiện này có giá trị rất lớn về mặt khoa học cũng như chứa đựng giá trị vô giá về mặt văn hóa – lịch sử. Bởi đây sẽ là những tài liệu quý báu trong quá trình "phục sử" ở chính Biên Hòa nói riêng và cả Nam Bộ nói chung.

III.4 Cảm nhận về thành cổ ngày nay: chơ vơ, điêu tàn

Không thể phủ nhận những giá trị văn hóa – lịch sử mà thành cổ đang chứa đựng trong mình, nó như thông điệp của các bậc tiền nhân gửi tới hậu thế chúng ta ngày nay, thế nhưng khi bước qua cánh cổng vào tham quan di tích, trong tôi không khỏi thốt lên câu hỏi có phần xót xa: di tích cổ thành mấy trăm năm lịch sử đây sao? Định bụng bước vào bên trong ngôi biệt thự hướng Tây bắc chụp một số tấm hình, tôi được bác bảo vệ già vội vàng ngăn cản: "đừng, cháu vào đấy, ngói có thể rơi xuống đầu bất cứ lúc nào, nguy hiểm lắm!" khiến tôi dừng bước và có phần thất vọng.

Mặc dù trải qua 4 lần trùng tu, sửa chữa nhưng đó chỉ là những lần được trùng tu, sửa chữa để phục vụ cho mục đích quân sự của Pháp, Mỹ và công việc (sau này); còn kể từ hơn 30 năm trở lại đây, ngôi thành này dầu dãi nắng mưa mà chưa một lần nào được trùng tu, bảo dưỡng. Và vẫn đang nằm chơ vơ chờ đợi.

Theo thông tin trên tờ Thanh niên online (năm 2011), kế hoạch trùng tu thành Biên Hòa được triển khai từ năm 2009. Các cơ quan chuyên môn đã thu thập, phân tích thông tin từ các nguồn tư liệu lịch sử, khảo cổ, nhân vật lịch sử... để tu bổ toàn diện, đồng thời giữ gìn các thành tố gốc, đảm bảo tính chính xác, độ bền vững, tính mỹ quan của công trình. Theo phương án trùng tu, sẽ nâng cấp nhà cổ, hệ thống tường thành, lô cốt và hạ tầng kỹ thuật với tổng mức đầu tư khoảng 26 tỉ đồng. "Tuy nhiên, từ đó đến nay, thấy thành cổ xuống cấp, chúng tôi sốt ruột, kiến nghị cấp trên cấp vốn nhưng chờ hoài không thấy", lãnh đạo Ban lý di tích – danh thắng cho hay.

Ngoài ra, tôi được biết, ngành văn hóa cũng đã có bản đồ qui hoạch, khoanh vùng di tích cần được bảo vệ là đường ranh giới từ những năm 2001 nhưng cho

đến nay vẫn chỉ nằm trên giới tờ bởi ranh giới xung quanh thành vẫn bị người dân lấn chiếm vô tội vạ mà không hề có giải pháp can thiệp, ngăn chặn. Điển hình như mặt trước dọc tường thành hướng Tây, có khoảng chục hộ dân dựng lều rạp bán quán, sinh sống, hoàn toàn che khuất mặt thành.

Mang ý nghĩa to lớn cả về mặt lịch sử và khoa học thế nhưng tất cả đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng; đặc biệt là các tòa biệt thự trong thành. Hiện di tích Thành Biên Hòa chỉ còn lại các hạng mục như nhà cổ 3 tầng, nhà cổ 2 tầng và các đoạn tường thành, móng thành, lô cốt. Tuy nhiên, các công trình này đều bị rễ cây ăn vào xuyên tường, nhiều đoạn bị bong tróc nghiêm trọng, sẵn sàng đổ sụp xuống bất cứ lúc nào.

Riêng khu biệt thự Tây bắc, các bức tường hầu như đã nứt và bong tróc. Rễ cây cổ thụ ăn xuyên qua tường làm nứt nhiều nơi. Toàn bộ khu biệt thự bị hư hỏng nặng. Sàn gạch của tòa nhà trong thành đã bị hư hại làm bong các lớp vữa trát, khiến khối gạch nằm giữa tụt khỏi khuôn, làm thủng sàn. Ngoài ra, giàn mái cũng như các cửa trên mái lấy gió, ống khói hầu như đã hư hoàn toàn. Hệ thống mái cũng mục nát, tường có nhiều đoạn bị sập đổ, cổng thành đã mất... khiến cho người tham quan có cảm nhận cả tòa nhà sẽ đổ sụm bất cứ lúc nào, chỉ cần 1 tác nhân như cơn gió mạnh thổi qua. Theo thẩm định của cơ quan chức năng, mức độ tổn thất của tường thành là 70%, còn nội thất trang thiết bị của nhà cổ phía tây đã hỏng hoàn toàn, thang và cửa hỏng 90%.

Đối với khu biệt thự cổ 2 tầng hướng Đông nam, hiện giờ đang được tận dụng làm văn phòng làm việc của Ban quản lý Di tích – danh thắng Đồng Nai nhưng cũng trong tình trạng xập xệ. "*Chúng tôi phải sử dụng hết sức thận trọng, thậm chí đi lại cũng nhẹ nhàng; không dám kê quá nhiều vật dụng lên sàn vì sức chịu đựng của sàn hiện rất yếu",* cán bộ văn phòng Ban quản lý di tích- danh thắng chia sẻ.

Ngoài ra, toàn bộ dãy tường thành xung quanh đã bị hàng chục hộ dân lấn chiếm, xây cất, gác gỗ, sắt đè lên di tích để làm nhà ở và nơi kinh doanh, khiến các dãy tường già nua đã yếu lại càng mau chóng xuống cấp hơn. Đại diện Ban quản lý di tích - danh thắng cho biết đã nhiều lần đề nghị giải tỏa, trả lại không gian cho di tích, nhưng nhiều năm nay, cơ quan chức năng TP Biên Hòa vẫn chưa thấy xử lý. Tôi có cảm tưởng như toàn bộ di tích bị thả nổi về mặt quản lý của ngành chức năng: các hạng mục xuống cấp, trong sân thuộc khu vực di tích hiện đang được cho thuê làm chỗ đặt cây cảnh, văn phòng tập thể dục thể hình… Tất cả khiến người tham quan có cảm tưởng, khu di tích đang được phó mặc cho sự tàn phá của thiên nhiên, thời gian và sự thờ ơ, vô cảm của con người cũng tiếp tay cho sự tàn phá đó diễn ra nhanh chóng hơn.

IV. GIẢI PHÁP BẢO TỒN DI TÍCH

IV.1 Tính cấp thiết của công tác bảo tồn thành cổ Biên Hòa

Thành cổ Biên Hòa ra đời trong quá trình chinh phục vùng đất phương Nam của cha ông ta từ ngày đầu khai hoang, lập cõi. Qua tìm hiểu, tôi được biết, cùng thời gian ra đời với cổ thành Biên Hòa ở Đồng Nai, các tỉnh phía Nam còn có các thành khác như: thành cổ Vũng Tàu, thành cổ Vĩnh Long, thành cổ Bát Quái, thành Gia Định (hay còn gọi là thành Phiên An)… Tuy nhiên, hiện nay trong số các ngôi thành cổ này thì chỉ duy nhất cổ thành Biên Hòa là còn giữ lại được tương đối nguyên vẹn các hạng mục; còn lại những ngôi thành kia cùng thời nay chỉ còn trên tư liệu. Trong đó có thể kể đến như: Thành Gia Định - hay thành Sài Gòn (còn được biết đến với tên gọi khác là thành Phiên An) là tên gọi một thành cũ ở Gia Định, tồn tại từ năm 1790 đến 1859. Đã có 2 tòa thành được xây dựng lên ở đây rồi sau đó bị phá hủy hoàn toàn. Năm 1835, triều đình nhà Nguyễn đánh bại Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng hạ lệnh phá hủy toàn bộ thành xây dựng theo kiểu Vô-băng cũ và đến 1836 lại ra lệnh xây một thành khác nhỏ hơn ở Đông Bắc thành cũ, gọi là "thành Phụng" hay "thành Phượng", tức là thành Gia Định ngày nay. Nhưng sau

khi quân Pháp mở cuộc tấn công thành Sài Gòn (tức thành Gia Định) và một ngày sau thì chiếm được thành thì đã đốt cháy và phá hủy hoàn toàn để ngăn quan quân triều đình nhà Nguyễn tấn công đánh chiếm lại thành. Dấu tích duy nhất ngày nay còn lại là bức tranh vẽ ảnh thực dân Pháp tấn công thành và những tàn tích dọc đường Đinh Tiên Hoàng về phía gần xưởng Ba Son.

Còn một ngôi thành khác cũng từng tồn tại ở Sài Gòn, trước thành Gia Định đó là Thành Bát Quái. Thành này cũng của nhà Nguyễn xây dựng tại Gia Định theo kiến trúc Vô- băng tồn tại từ năm 1790 đến năm 1835. Đây là một công trình có tính phòng thủ quan trọng, giúp các vua Nguyễn giữ vững an ninh vùng Gia Định trong một khoảng thời gian tương đối dài. Nhưng sau sự kiện Lê Văn Khôi, con nuôi Lê Văn Duyệt nổi loạn chiếm thành làm căn cứ chống lại triều Nguyễn bị tiêu diệt. Vua Minh Mạng đã cho phá thành Bát Quái để lập thành Gia Định mới năm 1837. Chính vì sự phá hủy này mà thành Bát Quái còn bị gọi Gia Định phế thành.

Vì vậy, những gì còn sót lại của thành cổ Biên Hòa trước những tác nhân khắc nghiệt của con người, lịch sử, chiến tranh, thời gian trong gần 200 năm cho đến ngày hôm nay có thể xem như là một may mắn của vùng đất, con người Biên Hòa – Đồng Nai.

Là di tích kiến trúc về mặt quân sự hết sức có giá trị nhưng đứng trước câu hỏi: chúng ta sẽ bảo vệ di tích này như thế nào? Vẫn là câu hỏi không dễ trả lời. Theo Ths. Trần Quang Toại, "Đối chiếu với điều 28, Luật Di sản Văn hóa năm 2001, thành Biên Hòa hội đủ những yếu tố để xác định là một di tích lịch sử văn hóa quý giá, bản thân nó chứa đựng những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể: đây là công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước; công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến; địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ và quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình đơn lẻ có giá trị tiêu

biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử". Tuy nhiên, vấn đề bảo vệ, bảo tồn nhưng vẫn giữ nguyên hiện trạng dấu vết di tích để lại cho thế hệ sau này chứ không phải đập phá xây mới, phá bỏ hoàn toàn di tích cũ mới là điều quan trọng. Hay nói như Giáo sư Trần Lâm Biền, nhà nghiên cứu văn hóa truyền thống cho rằng, không thể đặt vấn đề tu bổ di tích, di sản văn hóa giống như việc tu bổ nhà cửa bình thường. Việc tu bổ di tích đòi hỏi phải có kiến thức chuyên sâu về lịch sử, văn hóa, địa lý, kiến trúc… Thực tế, có những di tích trước khi tu sửa tôi gọi là "ông bố già". Thế nhưng, sau khi tu sửa, tôi không còn nhận ra nữa và tôi than rằng "đừng bắt tôi gọi người xa lạ đó là bố" vì di tích đã mang một diện mạo hoàn toàn khác. Đó không thể gọi là tu bổ, tôn tạo di sản một cách đúng nghĩa.

Luật di sản văn hóa năm 2001 cũng ghi rõ: "Bảo quản di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia".

Đứng trước quy luật nghiệt ngã của thời gian, sự bào mòn tàn khốc, vô tình của nắng mưa, chắc chắn với trình trạng hiện hữu, những hạng mục của thành Biên Hòa sẽ không thể tồn tại lâu hơn được nữa. Đừng để một hạng mục quý giá, công trình thành cổ duy nhất ở Đồng Nai và có lẽ là duy nhất của cả Nam bộ trở thành đống đổ nát, chỉ tồn tại trên giấy thành văn. Bởi di sản văn hóa là vốn quý của cả dân tộc. Nó phải được bồi đắp, hình thành từ hàng trăm năm, thậm chí hàng ngàn năm vì vậy để mất đi thì thật dễ nhưng chắc chắn một điều khi mất đi rồi sẽ không thể tìm lại được cái thứ hai. Thành Biên Hòa là dấu ấn quan trọng trong suốt chiều dài lịch sử mấy trăm năm của vùng đất này. Trong những năm tháng chiến tranh, diện mạo thành ít nhiều thay đổi, khuôn viên bị thu hẹp, hạng mục bị phá dỡ; đây thực tế là một lịch sử và là điều cần phải chấp nhận bởi khi Tổ quốc lâm nguy thì

vấn đề trên hết là sự thắng – thua, còn – mất, tồn vong của cả dân tộc, mọi khía cạnh khác đều trở thành thứ yếu. Ngày nay, khi đất nước hòa bình, độc lập, chúng ta hoàn toàn có đủ tiềm lực kinh tế, vậy lẽ nào di tích Thành Biên Hòa – Võ miếu của Đồng Nai lại tiếp tục bị thu hẹp, cắt xén, bỏ rơi bơ vơ một cách thảm hại chỉ để dành đất hay tiền vào những hạng mục với mục đích tầm thường (xin được phép nói như vậy bởi so sánh với các công trình dân sinh, hiện đại với bảo tồn thành như vậy là một cách so sánh khập khiễng).

Xin được chia sẻ lại ý kiến của một người làm công tác bảo tồn khi tham gia hội thảo về thành Biên Hòa từ năm 2004: "trong đợt tập huấn về công tác quản lý di tích tổ chức ở Huế, tôi đã cùng tập thể lớp được Giáo sư sử học nổi tiếng cả nước cho xem một bức tranh vẽ có tâm điểm là tấm bảng đóng trên chiếc cọc được cắm xuống đất. Phía trên tấm bảng là khoảng đất trống, xa hơn một chút là dãy nhà cửa nhấp nhô. Trước tấm bảng là nhóm du khách đang ngỡ ngàng nhìn vào dòng chữ được ghi nắn nót trên bảng: Nơi này trước đây có di tích đẹp lắm**!".** Cũng theo chia sẻ của đại biểu này, sau khi xem bức tranh xong, cả lớp cười ồ. Nhưng đọng sau tiếng cười ấy là sự xót xa cho thực trạng quản lý, bảo tồn di tích hiện nay.

Quay trở lại vấn đề thành cổ Biên Hòa, nếu chúng ta không nhanh chóng thực thi công tác bảo tồn thì thành Biên Hòa chắc chắn cũng sẽ cùng chung số phận. Đừng để đến khi con cháu chúng ta lớn lên sẽ được nhìn thấy một khu vực nhỏ nhỏ, nằm giữa thành phố Biên Hòa hiện đại có đề bảng: **"Trước đây, nơi này là di tích thành cổ Biên Hòa từ nhà Nguyễn rộng lắm!".**

Theo ông Lê Trí Dũng, Trưởng ban quản lý di tích – danh thắng Đồng Nai, khó khăn lớn nhất hiện nay trong công tác bảo tồn di tích này có hai vấn đề cơ bản: thứ nhất là kinh phí, thứ hai là di tích nằm trong vùng nội ô, đông dân của thành phố.

Thiết nghĩ, công tác bảo tồn chắc chắn sẽ gặp phải không ít khó khăn nhưng khó không có nghĩa là không thể thực hiện. Việc bảo tồn di tích không thể cân đo

đong đếm về mặt giá trị. Chúng ta không thể viện lí do khó khăn về kinh tế mà tránh né việc đầu tư cho công tác cải tạo, trùng tu, bảo tồn di tích này bởi lẽ những giá trị về mặt văn hóa – lịch sử thì không để đo đếm cụ thể ngay lập tức. Bảo tồn được di tích là chúng ta đang làm một công việc hết sức có giá trị, để lại cho con cháu đời sau những truyền thống quý báu của dân tộc với chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của ông cha. Bên cạnh đó, với tình trạng xuống cấp như hiện nay thì di tích chờ người chứ con người không thể bắt di tích nằm đó phơi nắng, dầm mưa để chờ đợi.

Cái khó thứ hai là bởi lẽ di tích thành cổ Biên Hòa nằm ngay trong nội ô thành phố, nơi tập trung dân cư đông đúc vì vậy chắc chắn công tác bảo tồn sẽ "vướng nhau" với công tác quy hoạch đô thị. Khi xã hội phát triển bao giờ cũng này sinh mâu thuẫn giữa công việc bảo vệ di sản và phát triển mà quan trọng là phát triển đô thị, khi nguồn đất là yếu tố cần thiết. Gía trị di sản là vô cùng quan trọng, nó hoàn toàn không cản trở sự phát triển mà ngược lại sẽ làm cho sự phát triển thêm ý nghĩa về mặt nhân văn; vì vậy chúng ta không thể vì sự phát triển mà phá bỏ giá trị di sản bằng mọi giá. Những thiệt hại về kinh tế chúng ta có thể khắc phục được dù có mất nhiều thời gian nhưng giá trị di sản thì không thể. Vì vậy, đối với di tích thành cổ Biên Hòa, đề nghị nên giữ nguyên hiện trạng của di tích trong hồ sơ khoanh vùng bảo vệ như đã được làm trước đó. Như thế, có nghĩa một số chi tiết về quy hoạch đô thị liên quan đến diện tích đất trong di tích thành Biên Hòa cần được đưa ra ngoài qui hoạch phát triển của thành phố. Hẳn mọi công dân của Biên Hòa sẽ rất vui sướng và tự hào khi thấy thành phố Biên Hòa phát triển với những quy hoạch khoa học, hiện đại nhưng vẫn bảo lưu những giá trị di sản độc đáo của nơi mình đang sống. Một khoảng của chiều kích lịch sử gắn liền với công sức của tiền nhân, những sự kiện lịch sử được hiển hiện trong lòng một đô thị mới và giá trị di sản ấy được giữ gìn cho muôn đời sau dù cuộc sống, xã hội có phát triển đến mức nào. Việc ấy thật có giá trị biết bao!

IV.2 Cơ sở pháp lý cho công tác bảo tồn thành cổ Biên Hòa

Luật Di sản Văn hóa năm 2001 đã xác định, di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quí giá của cộng động các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào khi tàng di sản văn hóa thế giới.

Ngoài ra, để xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo chủ trương của Đảng, quan điểm của tỉnh về phát triển văn hóa trong đó có nội dung về bảo tồn, phát huy những giá trị di tích – lịch sử trên địa bàn tỉnh cũng đã chỉ rõ: "Coi văn hóa là nền tảng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội… Tiếp tục xây dựng, tôn tạo các công trình văn hóa, đi đôi phát huy tốt hiệu quả giáo dục truyền thống. Coi trọng việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của vùng đất và con người Đồng Nai, văn hóa các dân tộc thiểu số, đặc biệt là những truyền thống lịch sử cách mạng, văn hóa cách mạng, văn hóa dân tộc bản địa… Tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, lợi thể của Đồng Nai ra khu vực và thế giới… Từ đó huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư lớn cả trong và ngoài nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả".

Ngày từ năm 2008, với những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc (quân sự) tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam trong quá trình đấu tranh, xây dựng và phát triển vùng đất Đồng Nai, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 21-3-2008 về việc công nhận Cổ thành Biên Hòa là di tích lịch sử cấp tỉnh. Và gần đây nhất, đầu tháng 11 năm 2013, Bộ Văn hóa – thể thao và du lịch đã có quyết định công nhận di tích lịch sử thành cổ Biên Hòa là di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 3995/QĐ-BVHTTDL.

Việc bảo quản di tích nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích; đồng thời phục hồi, tu bổ đối với những yếu tố di tích đã bị hủy hoại nhưng phải thực hiện trên cơ sở các cứ liệu khoa học.

Như vậy, trên cơ sở những quan điểm chủ trương của Đảng, nhà nước và của tỉnh Đồng Nai về phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện đại ngày nay; cùng với hệ thống những giá trị quí báu mà thành Biên Hòa chứa đựng nhưng đang trong tình trạng xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng, thành Biên Hòa xứng đáng để các cơ quan chức năng, quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh cùng vào cuộc để bảo tồn, trùng tu nhằm phát huy hết những giá trị vốn có của nó.

IV.3 Một số giải pháp cần thực hiện

Thử "search" (tìm kiếm) thông tin thành Biên Hòa trên công cụ tìm kiếm Google, điều khiến tôi không khỏi ngạc nhiên xen lẫn thú vị đó là chỉ trong thời gian ngắn **khoảng 0,37 giây** nhưng máy tính đã thống kê cho **5.930.000 kết quả,** điều đó chứng tỏ thành cổ Biên Hòa đã nhận được sự quan tâm rất lớn của người dân. Vì vậy, đứng trước công trình mang giá trị quý báu như thành cổ Biên Hòa, dù không phải là nhà nghiên cứu văn hóa, lại càng không phải là nhà khoa học chuyên ngành, tôi chỉ là người khách qua đường, trước thực trạng di tích, xin mạn phép được đóng góp một vài ý kiến về giải pháp cần thực hiện:

IV.3.1 Trước hết với công tác bảo tồn, trùng tu

Riêng với thành cổ Biên Hòa, do đặc điểm về lịch sử phát triển, bên trong thành vừa tồn tại xen kẽ những dấu vết của buổi đầu xây dựng, lại vừa có những yếu tố (mới) được xây dựng, bổ sung về sau. Nên có thể thực hiện song song hai bước bảo tồn và trùng tu: việc bảo tồn theo hướng giữ nguyên hiện trạng cần được thực hiện với hệ thống tường thành, móng thành, lô cốt và cổ vật phát hiện trong thành, tổng thể cảnh quan của di tích; việc trùng tu sẽ thực hiện với hệ thống các

biệt thự trong thành. Hệ thống biệt thự vừa là nét riêng của thành nhưng đồng thời cũng là kiến trúc đặc trưng của Pháp trên đất Đồng Nai còn lại nhưng đang trong tình trạng xuống cấp như đã đề cập. Vì vậy, có thể khôi phục lại nguyên trạng biệt thự bằng các giải pháp đặc biệt: điều này xin được dành cho những nhà khoa học chuyên môn.

- Xây dựng đề án khoa học về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích. Đề án sẽ bao gồm: thành viên nhà khoa học, nhà quản lý ngành văn hóa tham gia thực hiện; nội dung trùng tu, bảo tồn; phương pháp thực hiện và có giai đoạn thực hiện rõ ràng, cụ thể. Đặc biệt, tổ chức nghiên cứu khoa học đầy đủ, hoàn thiện dưới mọi giác độ về thành, nhất là nghiên cứu đánh giá đầy đủ về mặt khảo cổ học.

Tại sao lại phải như vậy? Bởi vì trong quá trình tìm kiếm tư liệu cho bài thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử, bản thân tôi đã tiếp cận rất nhiều lần với các thành viên Ban quản lý di tích – danh thắng của tỉnh nhưng hồ sơ, thông tin tư liệu thành Biên Hòa là rất hiếm, không có hệ thống. Chỉ có một tài liệu duy nhất là lý lịch (hay còn gọi hồ sơ khoa học) của thành nhưng sơ sài, rất ít thông tin và thông tin không đầy đủ. Ngoài ra, các tài liệu cổ, tạp chí, nghiên cứu về thành hầu như không có hoặc nằm rải rác mà tôi không có cơ hội được tiếp xúc.

Bên cạnh đó, dù chứa đựng nhiều giá trị nhưng đến nay, theo tôi được biết hiện vẫn chưa có một nghiên cứu khoa học nào đầy đủ về thành. Vì vậy, những chứng cứ khoa học về thành rất ít; tất cả thông tin về thành Biên Hòa đều được ghi chép lan man, không có chứng cứ khoa học thậm chí nhiều thông tin chỉ là phỏng đoán dựa trên những ghi chép cổ còn lại và rất ít. Với kết quả khai quật khảo cổ sơ khởi vừa qua, cho thấy rằng thành Biên Hòa còn chứa rất nhiều tầng nấc văn hóa. Nhưng việc này vẫn chưa được tiến hành nghiên cứu hoàn thiện, đầy đủ. Việc khai quật năm 2012 vẫn chỉ dừng ở qui mô thám sát ban đầu chứ chưa có nghiên cứu sâu rộng hơn. Theo các nhà khoa học, thành Biên Hoa còn nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ: có tư liệu đã nhắc đến giai đoạn đầu thành do dân Lạp Man xây dựng nên.

Vậy thì "Lạp Man" ở đây là dân tộc nào? Trung tâm thành ban đầu đặt ở đâu? Kiến trúc, quy mô, công năng của các công trình từng có trong thành…

Để bảo tồn di tích thật tốt và trọn vẹn, chỉ có cách duy nhất là phải có thông khoa học đầy đủ về đối tượng. Có thông tin khoa học đầy đủ, nhà khoa học mới tham mưu được cho cơ quan quản lý đưa ra những giải pháp bảo tồn phù hợp; vừa để tránh việc xâm lấn di tích, vừa tránh bỏ sót hoặc làm sai so với phiên bản di tích ban đầu.

Ngoài ra, những thông tin khoa học cũng là cơ sở để sưu tầm, xây dựng hệ thống trưng bày, giới thiệu thông tin đến du khách tham quan, người dân khi có nhu cầu; và phục cho công tác lưu giữ về sau.

Cần tiến hành nghiên cứu tổng quát một lần đầy đủ để có cái nhìn tổng quan hơn, tránh thực hiện theo kiểu tủn mủn, chắp vá có thể dẫn đến những xâm hại di tích không đáng có.

- **Về vấn đề kinh phí bảo tồn, trùng tu**: Tỉnh Đồng Nai cần tạo điều kiện về mặt kinh phí thực hiện công tác bảo tồn; có thể bằng vốn ngân sách.

Vấn đề tiền đâu để thực hiện luôn là mối quan tâm hàng đầu của nhà làm công tác quản lý. Với di tích thành cổ, ngành văn hóa có thể tham mưu cho tỉnh chia làm nhiều giai đoạn thực hiện. Trước tiên, kinh phí đầu tư ban đầu để cải tạo, tạo dựng và bảo vệ chống dột nát cho các biệt thự, hạng mục nằm trong di tích; sau đó kết hợp phát triển du lịch để có thêm kinh phí cho các hoạt động về sau… Đã từng có ý kiến nên đưa giải pháp xã hội hóa. Tức là tạo điều kiện cho 1 doanh nghiệp có tiềm lực vào đầu tư, khai thác phát triển du lịch. Việc này e có vẻ quá mạo hiểm chăng trong điều kiện năng lực công tác quản lý của chúng ta đang còn nhiều hạn chế. Vẫn biết rằng khi ngân sách tỉnh còn eo hẹp trong điều kiện kinh tế khó khăn thì giải pháp kêu gọi xã hội hóa là giải pháp tốt. Nhưng với trường hợp di tích lịch sử Thành Biên Hòa, tôi nghĩ không phù hợp. Bởi doanh nghiệp đã đầu tư thì phải có lời, hơn nữa kinh phí cho bảo tồn, trùng tu thì tốn kém hơn rất nhiều so

với xây mới. Đôi lúc vì lợi nhuận, người ta có thể bất chấp tất cả; có thể phá bỏ hoàn toàn dấu vết cũ để xây nên cái mới to đẹp hơn, thu hút khách hơn. Điều này dễ xảy ra lắm chứ! Khi ấy di tích sẽ không còn là di tích nữa.

Chỉ có mạnh dạn đầu tư, khôi phục giá trị di tích như nó vốn có thì chúng ta mới có thể khai thác và phát huy lợi thế về mặt du lịch hay giáo dục truyền thống. Trước tình trạng xuống cấp như hiện nay, chắc chắn ngành giáo dục hay ngành du lịch không thể "can đảm" mà dẫn khách tham quan hay học sinh đến di tích để tự hào giới thiệu rằng, đây là di tích có giá trị. Với vai trò là cổ thành duy nhất còn sót lại ở đất phương Nam từ thời mở cõi, chắc chắn giá trị của thành sẽ không dừng ở tỉnh Đồng Nai mà còn của cả khu vực Đông Nam bộ khi được khai thác đúng tầm.

IV.3.2 Giải pháp phát huy di tích thành cổ: bảo tồn, tôn tạo gắn với phát triển du lịch

Như đã bàn, giá trị thành cổ Biên Hòa nếu được khai thác, phát huy đúng như nó vốn có thì sẽ không bó hẹp chỉ trong vùng đất Đồng Nai mà của cả vùng Đông Nam bộ. Vì vậy, nếu chúng ta làm tốt công tác bảo tồn, đưa di tích vào qui hoạch phát triển để khai thác về du lịch chắc chắn sẽ hiệu quả bởi những giá trị của thành cổ Biên Hòa là không hề nhỏ. Bên cạnh đó, việc phát triển du lịch sẽ tạo nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn, trùng tu di tích về lâu dài.

Di tích lịch sử - văn hóa sẽ không thể là di tích thật sự nếu nó không được con người nhìn nhận, đánh giá và đưa vào phục vụ làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Phát triển du lịch ở đây cũng chính là vì mục tiêu văn hoá; đồng thời, việc bảo vệ tôn tạo di tích phải hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn các đối tượng đến tham quan nghiên cứu, trong đó có khách du lịch.

Phối hợp, khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh tham gia khai thác. Việc đưa vào sử dụng và khai thác giá trị di tích thành Biên Hòa để phục vụ cho phát triển du lịch phải đạt được mục tiêu như: Giáo dục truyền thống lịch sử và lòng tự hào yêu quê hương đất nước; giới thiệu cho khách du lịch

biết về ý nghĩa, giá trị của vùng đất, con người Đồng Nai qua đó tăng thêm lợi ích kinh tế cho xã hội, cho người dân và các đơn vị kinh doanh du lịch. Theo kinh nghiệm của một số địa phương hay các nước, thông qua phát triển du lịch, có thể "*lấy di tích để nuôi di tích"* (*chữ nuôi* ở đây có nghĩa là bảo tồn, bảo vệ, trùng tu, tu sửa và phát triển) như: Huế, Quảng Nam, Campuchia, Thái Lan…

IV.3.3 Giải pháp tuyên truyền, quảng bá thông tin về thành cổ

- **Tổ chức nhiều hoạt động trưng bày, hội thảo để giới thiệu thông tin về thành cổ Biên Hòa tới người dân, du khách; tuyên truyền, quảng bá rộng rãi về thành trên nhiều kênh thông tin**

Để thông tin đến được người dân, du khách đầy đủ và trọn vẹn, ngành văn hóa có thể xây dựng hệ thống tư liệu ứng dụng kỹ thuật số; tổ chức trưng bày các ảnh, sách, cổ vật, công trình nghiên cứu liên quan thành cổ; các hoạt động hội thảo mở rộng thông tin về thành Biên Hòa. Qua tìm hiểu, tôi được biết hiện nay Ban quản lý di tích – danh thắng đã phối hợp mở quán cà phê trong phạm vi thành nhằm tạo điều kiện đưa thông tin di tích này đến gần người dân hơn. Đây là ý tưởng hay và đã được thực hiện rất tốt nhưng còn thiếu ý mà theo tôi, cần bổ sung thêm đó là xây dựng hệ thống thông tin bằng các bảng nhỏ có ghi chép về thành để khách được hiểu hơn. Trong lần tôi đến thu thập tư liệu, bước vào quán, nhìn thấy tôi giơ máy hình lên chụp bức tường đá ong phía sau; hai vị khách nam ngạc nhiên, tò mò hỏi tôi: "*Em chụp làm gì thế?"* Khi tôi trả lời đây là dấu tích thành Biên Hòa gần 200 năm về trước, khiến họ hết sức ngạc nhiên và cho biết không nghĩ đó lại chính là dấu tích của thành cổ Biên Hòa. Nơi mà có lẽ họ và bạn bè hàng ngày vẫn ngồi tựa lưng để nhấm nháp cà phê. Nếu được gắn thêm những bảng nhỏ có ghi chép thông tin vào vị trí dễ quan sát trên thành thì sẽ thú vị biết bao, bởi khi ấy thông tin đến được với người dân và làm cho họ thêm tự hào bởi: ngồi dựa lưng vào thành cổ (lịch sử) để bàn chuyện hiện đại, tương lai.

- **Tổ chức kết nối hoạt động văn hóa, lễ hội**

Thành Biên Hòa tọa lạc ở vị trí trung tâm của thành phố Biên Hòa, rất gần với hệ thống các di tích: đình Tân Lân, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đền thờ Nguyễn Tri Phương, lăng mộ Trịnh Hoài Đức, đền liệt sĩ, di tích cách mạng Nhà Xanh, di tích cách mạng Nhà lao Tân Hiệp và khu danh thắng Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên. Vì vậy, bảo tồn để phát huy vai trò của thành làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân và các hoạt động, điểm tham quan du khảo về nguồn của sinh viên, học sinh và các đoàn thể trong những ngày lễ lớn ở Đồng Nai.

- Tuyên truyền rộng rãi về giá trị văn hóa – lịch sử của thành cổ Biên Hòa để nâng cao nhận thức cho nhân dân; huy động mọi nguồn lực địa phương, ngành vào công tác bảo tồn, bảo vệ di tích. Chỉ khi hiểu rõ về giá trị di tích, công tác quản lý mới có thể ngăn ngừa những hành động sai phạm, xâm phạm di tích từ người dân bởi dân ta luôn tôn trọng truyền thống đạo lý ‘‘Uống nước nhớ nguồn – Ăn quả nhớ kẻ trồng cây“. Bên cạnh đó, chỉ khi di tích được khai thác và phát huy đúng giá trị, công năng thì mới góp phần tăng ý thức của người dân trong hành động xâm phạm di tích. Bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý di tích di sản cho thấy, khi nào di tích thực sự phát huy được vai trò nâng cao đời sống tinh thần người dân thì khi ấy, tự bản thân di tích sẽ lan tỏa sức hút sự chung tay xây dựng từ cộng đồng.
- Kiên quyết di dời các hộ dân lấn chiếm diện tích đất trong phạm vi bảo vệ của thành, trả lại không gian, tạo hành lang an toàn cho di tích. Đặc biệt là khu vực trước mặt thành Biên Hòa hướng Tây. Theo quan sát của người viết, có khoảng hơn chục hộ dân dựng lều quán kinh doanh trước mặt thành, che lấp hoàn toàn tường thành ngay phía trước khu biệt thự hướng Tây Bắc.
- Vận dụng bài học kinh nghiệm của Đồng Nai đã từng rất thành công trong bảo tồn, trùng tu và tôn tạo Văn miếu Trấn Biên vào công tác bảo tồn di tích thành cổ Biên Hòa.

Với tất cả tấm lòng trân trọng, yêu quí dành cho những giá trị văn hóa – lịch sử đang hiện hữu trên vùng đất Đồng Nai nói chung, đặc biệt là di tích thành cổ Biên Hòa nói riêng, mong rằng ngành văn hóa, lãnh đạo tỉnh Đồng Nai sớm đưa chương trình bảo tồn, trùng tu di tích này vào thực hiện, để góp phần lưu giữ giá trị của một "Võ miếu" nơi vùng đất phương Nam; tạo dựng thêm sự phong phú trong đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân. Được bảo tồn và gìn giữ đúng giá trị, trên vùng đất Đồng Nai, người dân sẽ tự hào xiết bao bởi tồn tại song song bên cạnh các khu công nghiệp hiện đại, hoành tráng là hai công trình mang ý nghĩa tinh thần linh thiêng Văn miếu và "Võ miếu", đó như hình ảnh chuyển tiếp sinh động giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, một biểu tượng hòa quyện tuyệt vời giữa hiện đại, năng động và phát triển với một truyền thống văn hóa đa dạng.

Xin chân thành cảm ơn Ban tổ chức Hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai đã tạo cơ hội cho tôi được tiếp xúc, tìm hiểu, trân trọng hơn những giá trị văn hóa hết sức phong phú, ý nghĩa mà cha ông đã tạo dựng cho vùng đất này trong quá trình phát triển.

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ BẢO TỒN DI TÍCH

1. Bài học kinh nghiệm bảo tồn di sản

"…Chúng ta đã phải chấp nhận sự biến đổi một phần trong môi trường cảnh quan của khu danh thắng chùa Yên Tử tỉnh Quảng Ninh để xây dựng thêm hệ thống cáp treo và dịch vụ du lịch, chùa Đồng mới và tượng Trần Nhân Tôn trên đỉnh núi, Thiền Viện Trúc Lâm trên khu vực chùa Lân ở chân núi. Như thế cũng có nghĩa là khu danh thắng này đã được bổ sung thêm các công trình xây dựng mới và công năng mới. Lúc mới khởi dựng chùa Yên Tử chỉ đóng vai trò là chốn Tổ - nơi phát khởi của thiền phái Trúc Lâm, nơi hành hương của phật tử vào các dịp lễ hội. Ngày nay, từ quan điểm tiếp cận mới chúng ta đã tạo lập ở đây một sản phẩm du lịch - văn hóa có giá trị với việc bổ sung thêm một số công năng mới: Nơi tưởng niệm Trần Nhân Tôn, một vị Vua anh hùng đã thành Phật, biến Yên Tử từ một điểm khởi phát thành một trung tâm Phật giáo chấn hưng thiền phái Trúc Lâm. Công năng truyền thống cộng với công năng mới góp phần làm nên một danh sơn Yên Tử đầy sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, tạo ra sự biến đổi cơ cấu kinh tế ở địa phương. Danh thắng chùa Yên Tử hấp dẫn là do chính bản thân các giá trị lịch sử và văn hóa hàm chứa dưới dạng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở dây. Nhưng cũng cần nhắc tới vai trò của hệ thống cáp treo của Công ty Tùng Lâm đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách dễ dàng tiếp cận với di sản và lưu giữ họ ở lại di tích lâu hơn và trở lại thăm di tích thường xuyên hơn, nhưng vẫn tôn trọng cảnh quan của khu di tích.

…

Hạt nhân tín ngưỡng luôn đòi hỏi phải có không gian văn hóa thích hợp cho việc thực hành các nghi thức tín ngưỡng và lễ hội. Đó là lý do vì sao chúng ta phải chấp nhận việc phục dựng một số hạng mục di tích (trường hợp tháp Bình Thạnh, Tây Ninh). Đối với những khu di tích hiện đang tồn tại dưới dạng phế tích kiến trúc mang tính chất khảo cổ (trường hợp khu thánh địa Mỹ Sơn, Quảng Nam), thì

về một nguyên tắc không nên có bất cứ sự can thiệp nào từ phía cán bộ bảo tồn và trùng tu di tích. Bởi vì, tình trạng phế tích kiến trúc được bảo tồn trong điều kiện kỹ thuật ổn định cũng tạo ra nét lãng mạn và hấp dẫn cho du khách. Mặt khác, nếu chỉ dừng lại ở mức độ một phế tích kiến trúc mang tính chất khảo cổ học thì hạt nhân tín ngưỡng của khu Thánh địa Mỹ Sơn sẽ bị xoá bỏ hoàn toàn. Vì thế cần thiết lựa chọn một khu tháp thích hợp tại khu di tích để nghiên cứu tạo cơ sở khoa học cho việc phục dựng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận công chúng, đặc biệt là đồng bào Chăm khi tới thăm di tích - đó cũng là một giải pháp tình thế có tác dụng tạo lập thêm sức sống cho một khu di sản.

Thực tế đang diễn ra tại khu di tích lịch sử địa đạo Bến Được - Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh cũng chứng minh rất rõ tác động của yếu tố tâm linh tới tâm lý chung của du khách. Đây là bài học điển hình về phương pháp xây dựng một sản phẩm du lịch văn hóa có giá trị từ một di tích lịch sử cách mạng kháng chiến. Ngoài di tích nguyên gốc, người ta đã tạo dựng ở đây nhiều loại hình dịch vụ văn hóa kèm theo, đặc biệt là Đền tưởng niệm Bến Được ghi danh các liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước để bảo vệ "Vùng đất thép Củ Chi - cửa ngõ Sài Gòn xưa. Tạo ra "hạt nhân tín ngưỡng mới" tại di tích cách mạng và kháng chiến là sự đột phá mang tính sáng tạo trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa…"

(**Trích từ bài viết **"Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển" của tác giả Đặng Văn Bài – Website Cục di sản Văn hoá)

2. Bài học từ bảo tồn thành cổ Sơn tây trong quá khứ

Cho đến giờ, việc bảo tồn thành cổ Sơn Tây vẫn là điều mà dư luận nhân dân TP Sơn Tây trăn trở. Đầu năm 1995, cổng thành phía bắc được trùng tu. Khi bắt đầu triển khai dự án, người dân Sơn Tây lúc ấy đã khấp khởi mừng thầm, nhưng khi dự án triển khai, người dân tỏ thái độ thất vọng. Trước đây, cổng phía

bắc có một cây đa được xem là đẹp nhất khu vực thành cổ, cây đa tỏa bộ rễ ôm trọn cổng ra vào tạo nên khung cảnh cổ kính, lãng mạn. Tuy nhiên, để tôn tạo Bắc môn, Công ty Tu bổ di tích Trung ương đã chặt bỏ cây đa và đã gần như... xây mới một cái cổng khác. Sau khi được "phục chế", cổng thành phía bắc đứng lạc lõng không hề ăn nhập với không gian cổ kính được tạo nên bởi những lớp lang đá ong và những cây cổ thụ lớn.

Bởi thế, khi nghe nói có sắp có dự án tôn tạo thành cổ Sơn Tây, trong đó có xây lại cổng phía đông, nhiều người mừng, nhưng cũng không ít người lo, liệu cổng phía đông có đi vào "vết xe đổ" của cổng phía bắc? Liệu nó có là một công trình "mới toanh" nằm giữa một khu vực mà từng viên gạch đều thâm trầm mầu thời gian? Ngay cả 100 m tường thành mới phục dựng cũng có những ý kiến phản đối, bởi bức tường đá ong mầu nâu mới với những mạch vữa bê-tông cũng không ăn nhập với không gian này.

Một điều khá vô lý khác tồn tại ngay trong khu di tích này, đó là đầu những năm 90 của thế kỷ trước, người ta đã cho dựng ở đây một khu vui chơi giải trí cho thiếu nhi. Nhưng sau đó, những chiếc đu quay và các trò chơi khác hoen gỉ và gây mất mỹ quan. Mặc dù chưa có văn bản chính thức về vấn đề này, nhưng Trưởng Ban Quản lý Di tích làng cổ Đường Lâm Nguyễn Hùng Sơn, cho rằng, nên khôi phục khu vui chơi giải trí này, để tránh lãng phí diện tích, vì thành cổ Sơn Tây, vừa là di tích, nhưng cũng vừa là nơi vui chơi giải trí của nhân dân Sơn Tây như một công viên (!).

Trưởng ban Đầu tư xây dựng thành phố Sơn Tây Trần Đức Minh, cho biết, triển khai quyết định của UBND thành phố Hà Nội, thành phố Sơn Tây đang có ý tưởng phục chế toàn bộ bốn bức tường thành bằng đá ong, tuy nhiên, chiều cao chỉ khoảng 1,5 m (độ cao cũ là khoảng 5 m), để khi đến tham quan, du khách có thể hình dung rõ hơn về quy mô cũng như kiến trúc của tòa thành xưa. Các đoạn thành đã mất sẽ được chèn thêm đá ong với bề ngang đúng như bức tường thành cũ. Tuy

nhiên, đây mới là ý tưởng, còn việc tôn tạo như thế nào, tất nhiên còn chờ ý kiến của Cục Di sản.

(*http://www.nhandan.com.vn/hanoi/tin-moi-nhan/item/15301002-.html***)**

3. **Kinh nghiệm đau xót từ nước Ý: Mất di sản do quá phụ thuộc vào kinh tế**

Pompeii, thành phố từng bị chôn vùi trong trận phun trào của núi lửa Vesuvius vào năm 79 sau Công nguyên, hiện là một trong những điểm thu hút khách du lịch nhiều nhất thế giới, khoảng 3 triệu lượt khách mỗi năm. Tuy nhiên trong năm 2010, một số bức tường cổ cùng một ngôi nhà cổ từng được các võ sĩ giác đấu sử dụng tại Pompeii đã đổ sập. Mưa lớn được cho là nguyên nhân tàn phá các kiến trúc hơn 2.000 năm tuổi này. Nhưng nguyên nhân sâu sa làm dấy lên tranh cãi về việc bảo tồn các di sản ở nước này là gì? Và đây cũng là bài học đáng để nhiều nước trên thế giới lưu tâm.

Theo Cựu lãnh đạo khu Pompeii, việc bảo tồn không được Chính phủ thực hiện hợp lý. Việc cắt giảm mạnh tay nguồn ngân sách từ 9,2 tỉ USD xuống còn 6,6 tỉ USD làm giảm việc giữ gìn, bảo tồn khu di tích. Ông Maurizio Quagliuolo - Tổ chức Herity cũng khẳng định "vấn đề là chính phủ không hiểu rằng bảo tồn di sản văn hóa không nên được xem là một điều xa xỉ trong thời buổi khủng hoảng tài chính, mà phải là một phần cơ bản của sự hồi phục kinh tế".

(Website: ***Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam****)*

4. **Lại chuyện ứng xử với di sản**

Chuyện hàng loạt di sản quốc gia kêu cứu đang trở lại một lần nữa, từ chùa Diên Hựu (Một cột) dột nát cần phải được sửa chữa, trùng tu cho đến người dân làng cổ Đường Lâm trong cảnh nhà cửa xuống cấp mà không được sửa.

Trước đó, tất cả mọi người như "nín thở" theo dõi việc Mỹ Sơn bị phá nát bởi những nhà đầu tư để rồi thở phào khi chính quyền vội vã can thiệp. Nhưng số

phận của Mỹ Sơn và cả những di sản văn hoá Việt sẽ ra sao nếu cứ để cho những chiếc máy khoan, máy ủi kia đụng vào rồi mới vội vã lấp liếm vì sợ dư luận? Liệu cuộc rượt đuổi mang tính "ăn xổi ở thì" này sẽ đi đến đâu? Người viết từng đến Bagan, một xứ sở còn giữ nguyên hàng ngàn tháp cổ của Myanmar. Chưa thấy thì thôi, nhưng khi đã nhìn thấy tận mắt người dân của một đất nước khác gìn giữ văn hoá cổ bằng sự trân trọng, thậm chí là tôn kính, thì giờ đây, mỗi ngày nghe một tiếng kêu than từ những di sản văn hoá của người Việt, lại quặn lên nỗi đau về một tương lai không còn văn hoá truyền thống bởi bằng cách này hay cách khác, chúng ta đang dần tự huỷ diệt nó bằng lòng tham và sự thiếu hiểu biết.

Trở lại với những di sản mới nhắc đến, khoan nói đến quyền con người hay luật lệ, mà đi thẳng vào vấn đề chúng ta đã từng tranh cãi về việc "ứng xử với di sản". Chúng ta đã làm gì với di sản? Các nhà khoa học nghiên cứu văn hoá, lịch sử được tôn trọng đến đâu? Những người phụ trách chăm nom di sản ấy trình độ ra sao? Các cơ quan hữu trách quản lý di sản đã thể hiện vai trò, trách nhiệm và cả sự hiểu biết di sản như thế nào? Thậm chí người ta còn lợi dụng di sản quốc gia để tham nhũng…

Qua hai sự việc chùa Trăm gian trước đây và chùa Một cột hiện nay, chúng ta thấy có vài vấn đề: các cơ quan văn hoá và bảo vệ di sản luôn phản ứng chậm với sự xuống cấp hàng ngày của các di tích vốn phân tán trong các địa phương, lại càng chậm hơn nữa nếu muốn có kinh phi sửa chữa. Với cơ chế hành chính hiện nay, việc này muốn thành hiện thực phải mất hàng năm trời. Những nhà tu hành có thể huy động vốn xã hội để tự bảo quản trùng tu, nhưng với quan niệm thẩm mỹ thiếu chuyên môn và những phường thợ hiện nay, khó mà làm tốt cho một di tích cổ xưa. Vậy thì tại sao không chuyển vốn xã hội ấy cho các cơ quan trùng tu bảo quản của Nhà nước để huy động các nhà chuyên môn trùng tu theo tinh thần văn hoá cổ? Vốn xã hội hoàn toàn của tư nhân, mà bằng uy tín tôn giáo những nhà tu hành quyên góp được, dù không hề có cơ quan giám sát kiểm tra nào, nó vẫn được

chi tiêu chính xác, không thất thoát và thường đúng người đúng việc. Những người có vốn xã hội không hề muốn giao vốn này cho cơ quan văn hoá trùng tu khi không có lòng tin nào vào một cơ chế hành chính không hiệu quả và rất thích phong bì.

*(Website **Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam**)*

5. Ứng xử với di tích: "Nhiệt tình mà thiếu hiểu biết

"Di tích là những trang sử sống mang dấu ấn về sự biến động, thăng trầm của các thời kỳ lịch sử. Đó cũng là một bộ phận quan trọng cấu thành kho tàng di sản văn hóa của dân tộc. Do vậy, việc quản lý nhằm bảo vệ và phát huy giá trị của di tích đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của các ban ngành, đoàn thể.

Tuy nhiên, thời gian qua, việc thiếu cả ý thức lẫn tri thức về di sản văn hóa đã dẫn tới những sai lầm nghiêm trọng trong việc bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị của các di tích. Thực tế này đã đặt ra yêu cầu bức thiết về việc nhận thức lại những vấn đề liên quan, nhằm tìm ra một hướng đi đảm bảo sự hài hòa giữa hai yêu cầu bảo tồn và phát triển giá trị di sản trong bối cảnh đời sống đương đại.

Nhắc đến câu chuyện ứng xử với các di tích, nhà nghiên cứu văn hóa Trần Lâm Biền thở dài: "Thật xót xa khi hiện nay, người ta đối xử với di tích theo kiểu 'cha chung không ai khóc' hoặc nhiệt tình mà lại thiếu hiểu biết."

Minh họa cho nhận định ấy, ông kể, trong quá trình đi thực tế tại khu di tích cố đô Huế, ông có đặt vài câu hỏi mang tính chuyên môn với một số cán bộ thuộc ban quản lý như 'các cửu đỉnh quay về hướng nào'… thì họ đều không trả lời được.

Nhắc lại câu chuyện này nhiều lần, "tôi không nhằm mục đích chế giễu trực tiếp những cán bộ đó mà để chúng ta phải nghiêm túc nhìn nhận rằng, kiến thức

chuyên môn của những người làm công tác bảo tồn, quản lý di sản còn nhiều hạn chế. Như vậy, việc lúng túng và thậm chí là sai lầm trong ứng xử với di tích là hệ quả tất yếu," vị giáo sư này bày tỏ.

(*Website **Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam**)*

6. Bài học của Thanh Hoá trong bảo tồn di sản thành nhà Hồ

…..

PV: Phát huy di sản cần có sự đầu tư khoa học. Thanh Hóa đã có chiến lược như thế nào để phát huy giá trị công trình độc đáo này, thưa ông?

Ông Vương Văn Việt: Việc xây dựng hồ sơ đề cử và bảo vệ hồ sơ tại UNESCO là một việc rất khó khăn nhưng chúng ta đã thành công. Song quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản này theo tôi còn khó khăn hơn nhiều.

Khi bảo vệ hồ sơ, về phía tỉnh Thanh Hoá có cam kết 10 điểm với UNESCO, với Uỷ ban Di sản thế giới. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cũng như Uỷ ban UNESCO Việt Nam cũng đã có đề nghị với Uỷ ban Di sản thế giới rằng, với một di tích như Thành Nhà Hồ rõ ràng cần phải tiếp tục có đầu tư để làm sao quản lý, bảo vệ một cách tốt nhất.

Do đó, chúng ta phải xây dựng một quy hoạch tổng thể cấp quốc gia về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản Văn hoá Thế giới Thành Nhà Hồ và các di tích phụ cận. Cùng với đó, chúng tôi đã lập một quy hoạch tổng thể khai quật khảo cổ học một số khu vực trong tổng thể di sản Thành Nhà Hồ.

Có thể nói rằng, ngoài những phần đã lộ trên mặt đất như tường thành, đàn tế Nam Giao độc nhất vô nhị thì nhiều điều bí ẩn đang nằm trong lòng đất. Còn biết bao dấu vết của các cung điện, những hạng mục công trình trong Thành Nhà Hồ chưa được làm rõ. Mục tiêu chúng tôi phải hướng tới khai quật để có thêm những tư liệu làm cho hồ sơ di sản này ngày càng phong phú hơn, đồng thời có thể biến nó thành một công viên khảo cổ học, tức là khai quật đến đâu phải áp dụng công nghệ hiện đại để bảo tồn hiện vật phục vụ du khách.

Ngoài ra, chúng tôi phải xây dựng một chiến lược về truyền thông quảng bá di sản. Vì hiện tại Thành Nhà Hồ vẫn chưa được nhân dân trong nước và du khách quốc tế biết đến rộng rãi, cụ thể. Làm tốt điều này sẽ có tác động tích cực, không chỉ đối với Thanh Hóa mà còn đối với ngành du lịch của cả nước.

Một điều quan trọng nữa là phải bảo vệ được cảnh quan môi trường vốn được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá rất cao. Theo hồ sơ thì Thành Nhà Hồ là khu vực 1 với 155,5 ha chỉ là khu lõi, trong khi vùng đệm của nó là rất rộng lớn. ông cha ta ngày xưa chọn nơi xây thành có vị trí cảnh quan thiên nhiên gắn kết với nhau tuyệt đẹp.

Tỉnh cũng đã ra một số quyết định về cấm khai thác các mỏ đất, mỏ đá, mỏ cát, rồi các tài nguyên ở trên vùng di sản này và công tác bảo vệ sẽ còn được tăng cường.

Ngoài ra chúng tôi cũng phải tính đến xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường như thế nào, xử lý nước thải ra sao, bài toán về phòng chống thảm họa thiên tai… Cạnh Thành Nhà Hồ là sông Mã và sông Bưởi nên dứt khoát chúng ta phải xử lý tốt về phòng chống bão lũ, gia cố đê điều để không cho nước lũ xâm nhập.

Trên quan điểm di sản phải sống trong lòng cộng đồng, phải được cộng đồng tham gia bảo vệ và phát huy di sản, tỉnh sẽ hết sức quan tâm đến đời sống dân sinh của nhân dân khu vực này, trong đó phải tính đến đào tạo chuyển đổi nghề cho người dân, để người dân được thụ hưởng từ giá trị di sản và góp phần bảo vệ di sản.

PV: Có một thực tế là công tác bảo tồn, trùng tu tôn tạo di tích ở nước ta đang có vấn đề, vô hình chung "làm mới", làm giảm giá trị vốn có của di tích. Thanh Hóa nhìn nhận vấn đề này như thế nào?

Ông Vương Văn Việt: Đó là những bài học. Mà không những ở nơi khác mà ngay ở Thanh Hóa khi thực hiện trùng tu, tôn tạo các di tích, do yếu về quản lý,

sự hiểu biết của cán bộ ở cơ sở, kể cả cán bộ chuyên về lĩnh vực văn hóa nhưng không am tường về di sản đã dẫn đến việc làm không đúng, thậm chí vi phạm Luật.

Việc trùng tu tôn tạo các di tích và di sản nói chung phải đảm bảo được yếu tố gốc của nó. Có những cái không còn gốc nữa, thì mình phải đảm bảo yếu tố đồng kiến trúc. Luật đã quy định rõ, và nếu không đúng thì chắc chắn dẫn tới sự sai lạc, và khi sai lạc thì giá trị di sản không thể nói là phát huy được.

Trách nhiệm của chúng tôi đối với tất cả các di tích trên địa bàn là phải tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức; bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ làm công tác văn hóa, du lịch, sau đó là cán bộ cơ sở nơi có di tích hiện hành, rồi ban quản lý di tích của từng cấp để người ta hiểu và thực hiện đúng.

Tỉnh sẽ phải ban hành những quy định rất cụ thể, đòi hỏi cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, công dân phải thực hiện một cách nghiêm túc. Đây là công việc cực kỳ khó khăn.

Nhận thức về bảo tồn di tích là không đồng đều. Do đó cần tuyên truyền, giáo dục để nhân dân làm đúng. Làm được như thế không những chúng ta giữ được di tích, phát huy được di tích mà bản thân người dân cũng hưởng lợi. Điều này phải được thực hiện từng bước, có sự quan tâm sát sao và phải quyết liệt.

(Nguồn: Internet)